



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 44/2024

Từ 04/11 - 08/11/2024

TIN NỘI BỘ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN

BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT

QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

BÀI VIẾT CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM:

TINH - GỌN - MẠNH - HIỆU NĂNG - HIỆU LỰC - HIỆU QUẢ

Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trân trọng giới thiệu bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm với tiêu đề: “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” đã được Báo điện tử VietNamNet đăng tải.



Tổng Bí thư Tô Lâm. Ảnh: Nhật Bắc.

1. Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng, Nhà nước ta luôn đặc biệt coi trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là một trong những yếu tố then chốt đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành người cầm lái vĩ đại, người thuyền trưởng tinh anh đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt mọi thác ghềnh, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điểm hội tụ chiến lược sau 40 năm đổi mới đất nước đang đem đến cơ hội lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; cũng đặt ra yêu cầu cấp bách thực hiện quyết liệt cuộc cách mạng nhằm xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn Cách mạng mới.

Mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta từ năm 1945 đến nay cơ bản ổn định gồm 3 khối (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội). Với cơ chế vận hành Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, tổ chức bộ máy của từng khối đã có sự điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đến nay, khái niệm “Hệ thống chính trị” chính thức được sử dụng đánh dấu sự phát triển tư duy, nhận thức của Đảng về yêu cầu, nhiệm vụ đối với hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xuất phát từ tầm quan trọng đặc biệt và đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn phát triển nóng bỏng của đất nước, qua nhiều kỳ đại hội, nhất là trong các đại hội gần đây, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, XII, XIII của Đảng đều nhấn mạnh các nhiệm vụ cụ thể về tinh gọn tổ chức bộ máy hoặc nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đến nay, Đảng ta liên tục ban hành nhiều Nghị quyết, Kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực hiệu quả, như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 09/2/2007 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/2/2008 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 37-KL/TW ngày 02/02/2009 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ đến năm 2020; Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương; Kết luận số 62-KL/TW ngày 8/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, hệ thống tổ chức đảng các cấp, bộ máy Nhà nước từ Trung ương tới cơ sở, tổ chức cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được đổi mới, phát huy hiệu lực, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Thông qua vai trò, sức mạnh của hệ thống

chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền; kinh tế xã hội phát triển, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Những đổi mới về thể chế, trọng tâm là đổi mới công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một trong những điều kiện cơ bản, quyết định đạt được những thành tựu vĩ đại sau 40 năm đổi mới đất nước.

Qua 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nhận thức và hành động của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, quyết tâm chưa cao, hành động chưa quyết liệt, việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, tổng thể, chưa gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại... một số Bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin-cho, dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

Chính vì vậy, cho đến nay tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng... Chất lượng tham mưu, đề xuất của một cơ quan, tổ chức đảng với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với một số lĩnh vực còn hạn chế; năng lực điều phối, hướng dẫn, tổ chức thực hiện trong toàn Đảng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; phân định phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của các Bộ chưa triệt để; một số nhiệm vụ liên thông, gắn kết nhau hoặc cùng một lĩnh vực nhưng giao cho nhiều bộ quản lý.

Tổ chức bộ máy của một số cấp, ngành đến nay cơ bản vẫn giữ nguyên về số lượng, việc sắp xếp chưa gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả, xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ. Bộ máy trong Bộ, cơ quan ngang Bộ còn nhiều tầng nấc, có cấp không rõ địa vị pháp lý; đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân tăng, gia tăng tình trạng “Bộ trong Bộ”. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ.

Những tồn tại, hạn chế, sự chậm chạp, thiếu quyết liệt trong thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Bộ máy chồng chéo gây lãng phí và kìm hãm sự phát triển, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được triển khai hoặc triển khai hình thức trên thực tế. Sự chồng chéo, phân định không rõ chức năng, nhiệm vụ dẫn đến không rõ trách nhiệm, “lấn sân”, cản trở, thậm chí “vô hiệu hóa” lẫn nhau, làm giảm tính chủ động, sáng tạo, dẫn đến năng suất lao động, hiệu suất công tác thấp, đùn đẩy trách nhiệm, tiêu cực, cản trở phát triển, phát sinh phiền nhiễu, giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Tầng nấc trung gian dẫn đến mất thời gian qua “nhiều cửa” thủ tục hành chính, gây cản trở, thậm chí tạo điểm nghẽn, làm lỡ cơ hội phát triển. Chi phí vận hành hệ thống tổ chức bộ máy lớn, làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát

triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. So với những thay đổi to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới, sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những thành tựu khoa học công nghệ; tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta tuy đã được đổi mới ở một số bộ phận, nhưng cơ bản vẫn theo mô hình được thiết kế từ hàng chục năm trước, nhiều vấn đề không còn phù hợp với điều kiện mới là trái với quy luật phát triển; tạo ra tâm lý “Nói không đi đôi với làm”.

2. Thời điểm 100 năm đất nước ta dưới sự lãnh đạo Đảng và 100 năm thành lập nước không còn xa, để đạt được các mục tiêu chiến lược, không chỉ đòi hỏi những nỗ lực phi thường, những cố gắng vượt bậc, mà còn không cho phép chúng ta chậm trễ, lơ lửng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng trên từng bước đi; muốn vậy cần khẩn trương thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, với một số công tác trọng tâm, sau đây:

Thứ nhất, xây dựng và tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Tập trung tổng kết 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, đánh giá nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả đạt được, những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết; đề xuất, kiến nghị với Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tổng kết phải tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sắc, cầu thị, sát đúng với tình hình thực tiễn từ đó đề xuất mô hình tổ chức mới, đánh giá ưu điểm và tác động khi thực hiện mô hình mới, phải bám sát Hiến pháp, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương... bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; hạn chế tổ chức trung gian; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể trên cơ sở tính đảng, tính hợp lý, tính hợp pháp.

Thứ hai, tập trung hoàn thiện thể chế theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” để nhanh chóng đưa chủ trương của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống. Rà soát các quy định pháp luật có liên quan để chủ động chuẩn bị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo đúng quy định, bảo đảm chủ trương của Đảng được triển khai nhanh nhất sau khi được Trung ương thống nhất thông qua. Tập trung hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, gắn với tinh thần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, Trung ương, Chính phủ, Quốc hội tăng cường hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát và cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, bảo đảm sự phân biệt rõ cấp ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật với cấp tổ chức thực hiện.

Thứ ba, gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh. Ban hành quy định về khung

tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ ở từng cấp, từ Trung ương tới cơ sở, từng loại hình để chủ động rà soát, xác định có thể bố trí ngay. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được, không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong đánh giá cán bộ. Có cơ chế hữu hiệu sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và sử dụng đối với người có năng lực nổi trội.

V.I Lênin khi nói về cải tiến bộ máy Nhà nước đã nhấn mạnh: “Phải tuân theo quy tắc này: thà ít mà tốt... Tôi biết rằng giữ vững quy tắc ấy và vận dụng được nó vào tình hình thực tế của chúng ta là khó khăn... Tôi biết rằng, sẽ phải kháng cự một cách mãnh liệt, sẽ phải tỏ ra kiên trì phi thường... Song tôi vẫn tin chắc rằng chỉ có tiến hành công tác đó, chúng ta mới có thể xây dựng được một nước cộng hòa thật sự xứng danh là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-Viết”[1]; xây dựng tổ chức bộ máy hiệu lực hiệu quả là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất, dũng cảm, sự hy sinh của từng cán bộ, đảng viên cùng với quyết tâm rất cao của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, tất cả vì sự một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sớm sánh vai với các cường quốc năm châu.

Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguồn: vietnamnet.vn

[1] V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1979, t.45, tr.445.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TẬP TRUNG THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN THỂ CHẾ, KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ, DỨT KHOÁT XÓA BỎ CƠ CHẾ “XIN - CHO”, SÁCH NHIỀU

Phát biểu tại Lễ công bố sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 9 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh cần tập trung tháo gỡ điểm nghẽn thể chế một cách tích cực nhất, hiệu quả nhất, kiên quyết, kiên trì, dứt khoát xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, sách nhiễu, làm cản trở sự phát triển của doanh nghiệp, đồng thời kêu gọi doanh nhân, doanh nghiệp chung sức cùng đất nước bước vào Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia Việt Nam là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng

Phát biểu tại Lễ công bố sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 9 năm 2024, với chủ đề “Vươn mình tiến vào Kỷ nguyên Xanh” diễn ra tối ngày 04/11/2024, tại Hà Nội, Thủ tướng Phạm Minh Chính nêu rõ, xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia Việt Nam là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính chiến lược, là sứ mệnh của tất cả chúng ta

với sự kiên trì, nỗ lực và sáng tạo không ngừng nghỉ; trong đó, việc xây dựng thương hiệu sản phẩm quốc gia là một trong những nội dung cốt lõi.

Đánh giá đây là sự kiện quan trọng nhằm tôn vinh những thương hiệu sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chất lượng, có uy tín, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao và nhiệt liệt chúc mừng sự nỗ lực, cũng như những đóng góp quan trọng của cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là 190 doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia năm 2024.

Theo Thủ tướng Chính phủ, qua hơn 20 năm, Chương trình Thương hiệu Quốc gia ngày càng khẳng định là một trong những chương trình uy tín, chất lượng. Số doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia liên tục tăng qua các năm, từ 30 doanh nghiệp năm 2008 lên 190 doanh nghiệp năm 2024.

Chương trình vừa khẳng định chất lượng các sản phẩm, dịch vụ sản xuất tại Việt Nam, vừa khẳng định năng lực, trí tuệ, bản lĩnh, tính linh hoạt, sức sáng tạo của doanh nghiệp Việt, góp phần tạo dựng vị trí vững chắc tại thị trường trong nước và tô thắm hai chữ “Việt Nam” trên thị trường quốc tế; khẳng định sự đóng góp to lớn của doanh nghiệp Việt Nam trong công cuộc xây dựng Thương hiệu Quốc gia.

Theo đánh giá của Brand Finance, trong những năm gần đây, Thương hiệu Quốc gia Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc. Việt Nam không chỉ lọt vào Top 100 quốc gia có thương hiệu mạnh, mà còn là quốc gia có tốc độ tăng trưởng giá trị thương hiệu nhanh nhất thế giới trong giai đoạn 2019 - 2022. Giá trị thương hiệu của Việt Nam năm 2024 được xếp thứ 32/193 quốc gia được đánh giá, đạt 507 tỷ USD, tăng 1 bậc về thứ hạng và tăng 2% về giá trị so với năm 2023.

Đây là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực không mệt mỏi của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, cùng với kết quả của Chương trình Thương hiệu Quốc gia và tác động tích cực từ các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước trong kiến tạo môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Người đứng đầu Chính phủ nhấn mạnh, trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn là xu hướng tất yếu; thế giới đang chuyển dần từ mô hình kinh tế tiêu thụ tài nguyên truyền thống sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm. Không nằm ngoài xu hướng đó, các doanh nghiệp Việt với khả năng sáng tạo của mình có thể tận dụng cơ hội này để vươn lên, đóng vai trò tích cực trong sự chuyển dịch toàn cầu.

Vì vậy, các doanh nghiệp với thương hiệu quốc gia của mình không chỉ phát triển các ngành kinh doanh truyền thống, mà còn phải dồn lực để thu hút đầu tư và tạo sức bật cho các ngành, lĩnh vực tiên phong; không chỉ tăng trưởng dựa vào vốn, vào khai thác tài nguyên như trước, mà phải dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; không chỉ là phát huy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống mà còn phải phát huy được các động lực tăng trưởng mới đến từ kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ.

“Chúng ta cần hiểu rõ rằng thương hiệu không chỉ là sự khẳng định về chất lượng sản phẩm, mà còn là cam kết về phát triển bền vững để “Vươn mình tiến vào Kỷ nguyên Xanh””, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam nói chung cần tiếp tục phát huy những giá trị cốt lõi: Chất lượng - Đổi mới - Sáng tạo - Năng lực tiên phong. Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, gắn bó, vì lợi ích của doanh nghiệp gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc, nỗ lực vượt khó, đổi mới sáng tạo, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và từng bước cải thiện vững chắc năng lực cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu, đóng góp cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính lưu ý thời gian tới, các doanh nghiệp cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Một là, không ngừng tập trung khai thác cơ hội từ xu hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; tiên phong trong cuộc cách mạng xanh; tận dụng lợi thế uy tín thương hiệu quốc gia, đồng thời kết hợp xây dựng thương hiệu sản phẩm với thương hiệu quốc gia Việt Nam; tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường quốc tế và tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.

“Hình ảnh đẹp của mỗi thương hiệu quốc gia sẽ là hình ảnh đẹp về thương hiệu của đất nước, truyền thống, văn hóa, con người Việt Nam, nhất là trong bối cảnh thế giới đang đẩy mạnh các cam kết về giảm phát thải và chống biến đổi khí hậu, các doanh nghiệp cần chủ động chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh, sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ thân thiện với môi trường”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Hai là, không ngừng nâng cao năng lực quản trị hiện đại; áp dụng các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến, minh bạch và lành mạnh; chú trọng đến yếu tố bền vững trong sản xuất. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; chủ động đổi mới mô hình sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc doanh nghiệp gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, góp phần nâng cao uy tín của thương hiệu, tạo niềm tin vững chắc về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đối với người tiêu dùng.

Ba là, không ngừng đổi mới, sáng tạo, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh; tăng cường chủ động hội nhập thực chất, hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh kỷ nguyên số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; áp dụng các công nghệ tiên tiến, như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật, tự động hóa trong sản xuất nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, chủ động tiến vào kỷ nguyên xanh.

Bốn là, tiếp tục trau dồi bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp; tuân thủ quy định pháp luật; xung kích, đi đầu trên mặt trận phát triển kinh tế - xã hội; có hoài bão lớn và khát vọng phát triển, trở thành hình mẫu của tinh thần doanh nghiệp, kinh doanh liêm chính, nhân văn và có trách nhiệm. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin truyền thông; bảo vệ bản quyền, giá trị thương hiệu.

Năm là, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, tay nghề giỏi, chuyên môn sâu, trình độ quốc tế và làm việc chuyên nghiệp, phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập trên các lĩnh vực; tiếp tục tăng cường kết nối mạng lưới nhân tài, trí thức người Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Sáu là, chú trọng xây dựng và nâng cao văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân; bảo đảm đầy đủ quyền lợi cả về vật chất và tinh thần cho người lao động. Tích hợp giá trị cốt lõi của đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội vào chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp với công tác bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng. Tích cực tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; phát huy hơn nữa tinh thần dân tộc, lòng yêu nước gắn với văn hóa doanh nghiệp, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

“Điều Đảng, Nhà nước luôn mong muốn nhất, chia sẻ, gửi gắm nhiều nhất là các doanh nhân, doanh nhân đem thời gian, trí tuệ, lòng nhân ái, tinh thần đạo đức kinh doanh là những cội nguồn cho phát triển bền vững của doanh nghiệp, tiến vào kỷ nguyên xanh. Chúng ta có quyền tự hào là các doanh nghiệp, doanh nhân của chúng ta ngày càng tiến bộ, ngày càng phát triển, ngày càng đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, nhân dân Việt Nam ngày càng hạnh phúc, ấm no”, người đứng đầu Chính phủ chia sẻ.

Kiên quyết, kiên trì, dứt khoát xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, sách nhiễu

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: “Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiến bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi...”.

Bám sát chủ trương này, Chính phủ kêu gọi các doanh nghiệp tận dụng triệt để hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước, từ đó phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững.

Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Nhân dân ta đang triển khai 3 đột phá chiến lược: Thứ nhất là đột phá về thể chế để thuận lợi nhất, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, tạo những cơ hội, cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp, doanh nhân một cách hiệu quả nhất; thứ hai là xây dựng và phát triển hạ tầng chiến lược để góp phần giảm giá thành, giảm chi phí đầu vào, chi phí logistics, tạo ra không gian phát triển mới, kiến tạo cho doanh nghiệp, doanh nhân phát triển; thứ ba là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng của các doanh nghiệp, doanh nhân.

Công cuộc xây dựng và nâng tầm thương hiệu quốc gia Việt Nam của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược là tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển và không ngừng nâng cao thương hiệu của doanh nhân, doanh nghiệp Việt, các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ khẳng định, sự thành công và phát triển của cộng đồng doanh nghiệp là thước đo sự thành công trong công tác điều hành, quản lý của Nhà nước. Chính phủ thấu hiểu, chia sẻ, lắng nghe và sẽ tiếp tục có các giải pháp hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp phát triển; tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh - coi việc tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản gây khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị quan trọng của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương.

Hiện nay, chúng ta còn nhiều điểm nghẽn, trong đó điểm nghẽn về thể chế là điểm nghẽn của điểm nghẽn, như Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát biểu tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.

“Chúng ta phải tập trung tháo gỡ điểm nghẽn này một cách tích cực nhất, hiệu quả nhất, phải coi trọng thời gian và trí tuệ ở điểm này để tháo gỡ thật nhanh. Chúng ta sẽ không thể đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra tới năm 2030, năm 2045 nếu như thập kỷ tới đây chúng ta không đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số mỗi năm. Chúng ta phải phấn đấu tăng trưởng 2 con số trong những thập kỷ tới đây thì mới đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra tới năm 2030, năm 2045”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Trên tinh thần đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương, với vai trò là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương tiếp thu các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia, đề tiên phong và tham gia tích cực hơn nữa vào công cuộc xây dựng và quảng bá thương hiệu quốc gia Việt Nam, góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

Đồng thời, tiếp tục đề xuất, tham mưu kiến tạo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, có tính cạnh tranh cao trong khu vực, toàn cầu; kiên quyết, kiên trì, dứt khoát xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, sách nhiễu, làm cản trở sự phát triển của doanh nghiệp; cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; ưu tiên các ngành, lĩnh vực mới nổi, tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển.

Cùng với đó, đẩy mạnh các hoạt động phát triển, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa các chuỗi cung ứng, hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài nước, gắn với việc hỗ trợ xây dựng, quản trị và phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, ngành và quốc gia, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành, doanh nghiệp và sản phẩm.

Theo Thủ tướng Chính phủ, với tinh thần trách nhiệm cao, với khí thế và niềm tin của cả nước và đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam, chúng ta tin tưởng rằng, trong thời gian tới sẽ có thật nhiều doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và quốc tế.

Thành công của doanh nhân, doanh nghiệp cũng là thành công của đất nước, góp phần xây dựng hình ảnh Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển xanh, đổi mới sáng tạo và

hùng mạnh trên bản đồ thế giới. Đội ngũ doanh nhân Việt Nam, mà nòng cốt là các doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia cần tiếp tục chung sức, đồng lòng, ra sức thi đua hướng tới mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, hai mốc lịch sử kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước.

“Mỗi doanh nhân hãy thể hiện tinh thần đoàn kết, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên bằng hành động cụ thể, cùng nhau đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, bắt kịp xu hướng, chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới, đó là Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, người đứng đầu Chính phủ kêu gọi.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: HỘI THẢO KHOA HỌC GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỀ ÁN “XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH” GIAI ĐOẠN 2022 - 2030

Ngày 08/11/2024, tại tỉnh Hà Nam, Bộ Nội vụ tổ chức Hội thảo khoa học góp ý sửa đổi, bổ sung Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trương Hải Long cho biết, ngày 10/11/2022, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định số 876/QĐ-BNV phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030. Đây là công cụ quan trọng giúp Chính phủ theo dõi, đánh giá một cách định lượng, chính xác, khách quan tình hình triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; đối với địa phương, thông qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính, lãnh đạo các địa phương có cơ sở để tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ liên quan đến cải cách hành chính một cách thực chất, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ trưởng Trương Hải Long nhấn mạnh, trong thời gian qua, đã có nhiều văn bản, chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để điều chỉnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ liên quan đến cải cách hành chính cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu cải cách. Do vậy, cần phải rà soát lại để loại bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung cả nội dung, thang điểm đánh giá của một số tiêu chí, tiêu chí thành phần cho phù hợp với các quy định, chỉ tiêu mới.

Ngoài ra, các phương thức đánh giá, điều tra xã hội học cần tiếp tục được nghiên cứu, cải tiến cho phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao hơn nữa tính khách quan, công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính hằng năm của các bộ, tỉnh.

Thứ trưởng Trương Hải Long đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận sâu, đóng góp ý kiến cụ thể, thiết thực, trong đó tập trung vào các nội dung như: tên gọi của các lĩnh vực, tiêu chí đánh giá; thang điểm đánh giá; phương thức đánh giá qua báo cáo; nội dung phương thức điều tra xã hội học,...

Tại Hội thảo, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Nguyễn Đức Vượng cho biết, trong những năm qua, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam luôn được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo và xác định là động lực, giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của bộ máy hành chính góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Bám sát các văn bản của Trung ương, tỉnh Hà Nam đã ban hành nhiều văn bản về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, với trọng tâm là hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm, cán bộ công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Phó Chủ tịch Nguyễn Đức Vượng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ban, ngành Trung ương đặc biệt là của Bộ Nội vụ. Đồng thời, đề nghị các chuyên gia, nhà khoa học, đại biểu các tỉnh, thành phố tham gia Hội thảo tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm hay, cách làm mới, các giải pháp, sáng kiến... trong thực hiện công tác cải cách hành chính, qua đó giúp các địa phương sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân.

Theo dự thảo “Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2024 - 2030, mục tiêu cụ thể của Đề án nhằm đánh giá khách quan, toàn diện, công bằng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các Bộ, các tỉnh. Đánh giá định lượng, kết hợp với định tính; đánh giá kết quả cải cách hành chính với tác động của cải cách hành chính; kết hợp đánh giá bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức đối với kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

Đồng thời, so sánh, xếp hạng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các Bộ, các tỉnh. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhận rõ những kết quả được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính hàng năm.

Về đối tượng áp dụng là 19 Bộ, cơ quan ngang Bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ). Trong đó, 02 cơ quan đặc thù là Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ có thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với 17 Bộ, cơ quan ngang Bộ còn lại. 63 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Về Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ được cấu trúc thành 7 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí và 97 tiêu chí thành phần.

Thang điểm đánh giá của Chỉ số cải cách hành chính là 100. Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 30,5/100.

Phương pháp đánh giá: Tự đánh giá của các Bộ và Đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

Về Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí, 88 tiêu chí thành phần.

Thang điểm đánh giá là 100. Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 32/100.

Phương pháp đánh giá: Tự đánh giá của các tỉnh và Đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

Bên cạnh đó, dự thảo Đề án cũng đưa ra các giải pháp cụ thể như: Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số cải cách hành chính; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số cải cách hành chính; Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính...

Trong phần thảo luận, Ban Tổ chức Hội thảo chia thành các Nhóm thảo luận, góp ý. Nhóm chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính đồng thuận cao với các tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá; tuy nhiên, về thực hiện kế hoạch cải cách hành chính đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh tăng điểm lên và tiêu chí 1.3.1. Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm, đề nghị bổ sung kiểm tra đối tượng các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn địa phương có thực hiện thủ tục hành chính.

Nhóm cải cách thể chế đánh giá cao công tác chuẩn bị của Bộ Nội vụ, công tác tổ chức khoa học. Nhóm này cũng thống nhất cao với các tiêu chí, tuy nhiên, đối với tiêu chí 2.2. Thực hiện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm chuyển thành tiêu chí thành phần của tiêu chí 2.3. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Nhóm cải cách thủ tục hành chính đề nghị không trừ điểm công bố, công khai thủ tục hành chính do lỗi chậm ban hành văn bản của Trung ương...

Bên cạnh đó, các đại biểu cũng trao đổi, thảo luận, phản biện các góp ý của các Nhóm giúp Bộ Nội vụ nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Đề án.

Tổng kết Hội thảo, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng ghi nhận và đánh giá cao các đại biểu rất trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến, Bộ Nội vụ sẽ nghiêm túc tiếp thu để hoàn thiện.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục rà soát, tổng hợp các ý kiến một cách tổng thể để chỉnh sửa tối đa những nội dung bất cập trên tinh thần sửa đổi phù hợp và tốt hơn Bộ tiêu chí đã được quy định tại Quyết định số 876/QĐ-BNV.

Để có thêm thông tin hoàn thiện Đề án, Vụ trưởng Phạm Minh Hùng đề nghị 05 Bộ có liên quan: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ cùng với Bộ Nội vụ nghiên cứu các ý kiến để tiếp thu, sửa đổi; tiếp tục có ý kiến đối với các nhóm tiêu chí thuộc Bộ mình và gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất đến ngày 14/11/2024.

Đối với các địa phương, Vụ trưởng Phạm Minh Hùng đề nghị nếu có thêm ý kiến bổ sung cần gửi Bộ Nội vụ chậm nhất đến ngày 14/11/2024 để Bộ Nội vụ tiếp thu tổng thể, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ký ban hành.

Vụ trưởng Phạm Minh Hùng thông tin thêm, sau khi ban hành Đề án, Bộ Nội vụ sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể để các bộ, ngành, địa phương nắm vững và triển khai thống nhất; bên cạnh đó, Bộ Nội vụ cũng tiếp tục hoàn thiện, cập nhật phần mềm chấm điểm theo Bộ chỉ số sửa đổi, bổ sung; sửa đổi các câu hỏi đánh giá...

Nguồn: [moha.gov.vn](#)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐIỀU CHỈNH KHUNG KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VIỆT NAM PHIÊN BẢN 3.0

“Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số” đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định sửa đổi, bổ sung vai trò của nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành từ cuối năm 2023, “Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số” là bức tranh tổng thể, mô tả các thành phần và mối quan hệ trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Việc ban hành khung kiến trúc mới là nhằm hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, tỉnh.

Đồng thời, hình thành và triển khai áp dụng hệ thống kiến trúc Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số một cách đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, với một trong các mục tiêu đặt ra là tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, dùng chung các tài nguyên công nghệ thông tin trong mỗi cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với các cơ quan, tổ chức khác trên phạm vi toàn quốc.

Một điểm mới của khung kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 3.0 so với phiên bản 2.0 là đã bổ sung Trung tâm Dữ liệu quốc gia, kho dữ liệu về con người, kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia được đề cập trong Nghị quyết số 175/NQ-CP năm 2023 của Chính phủ phê duyệt “Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia”.

Mới đây, “Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số” đã được Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung để thống nhất với thực tiễn triển khai “Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia”.

Theo đó, trong sơ đồ khái quát Chính phủ điện tử Việt Nam, tên gọi “Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia” được điều chỉnh thành “Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia”.

Cùng với đó, quy định về nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia cũng có sự điều chỉnh, bổ sung vai trò của nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Cụ thể, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai với mục tiêu tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương theo hình thức kết nối tập trung và hình thức kết nối trực tiếp theo mô hình phân tán.

Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia sẽ thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với nhau thông qua nền tảng chia sẻ điều phối dữ liệu của trung tâm này.

Liên quan đến việc phát triển và kết nối, chia sẻ dữ liệu, kết luận hội nghị hồi trung tuần tháng 7/2024 giữa thường trực Chính phủ với các bộ trưởng, trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã chỉ rõ một trong những kết quả nổi bật về chuyển đổi số tại Việt Nam thời gian qua là cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; các cơ sở dữ liệu mang tính nền tảng như dân cư, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục và đào tạo... được vận hành ổn định, mang lại hiệu quả tích cực.

Theo báo cáo của bộ phận thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, trước năm 2020, chỉ có cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp được vận hành; đến năm 2024, các cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như dân cư, doanh nghiệp, bảo hiểm đã hoàn thành, các cơ sở dữ liệu khác cũng đang gấp rút hoàn thiện.

Trước năm 2020, các Bộ, ngành, địa phương triển khai cơ sở dữ liệu còn manh mún; đến năm 2024, hầu hết các Bộ, ngành, địa phương đã hoạch định rõ và ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của mình với tổng số gần 3.000 cơ sở dữ liệu.

Triển khai chiến lược dữ liệu quốc gia, đến thời điểm tháng 9/2024, đã có 10 địa phương gồm Hải Dương, Sơn La, Hà Giang, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Thuận, Thừa Thiên Huế, Yên Bái, Hà Nam, Đắk Lắk ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược này đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh mình.

Về kết nối chia sẻ dữ liệu, năm 2020, tổng số giao dịch kết nối, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia là 11,5 triệu; đến giữa tháng 7/2024, lũy kế số giao dịch qua nền tảng này đã là 2,3 tỷ giao dịch, với 95 đầu mối kết nối của các cơ quan, đơn vị trên toàn quốc.

Nguồn: vietnamnet.vn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN TỪ GIAO DỊCH TRUYỀN THÔNG SANG ĐIỆN TỬ

Trong những năm gần đây, Kho bạc Nhà nước không ngừng cải tiến quy trình nghiệp vụ, cải cách hành chính bằng cách chuyển đổi từ hoạt động thủ công sang môi trường điện tử và đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ cũng như hoạt động quản lý nội bộ. Các nỗ lực này nhằm tạo ra một hệ thống Kho bạc hiện đại, hiệu quả, minh bạch, đáp ứng kịp thời nhu cầu của tổ chức, cá nhân giao dịch với Kho bạc.

100% giao dịch thủ công đã được thực hiện trên dịch vụ công trực tuyến

Trong các hoạt động nghiệp vụ, Kho bạc Nhà nước luôn kiên định với mục tiêu “lấy khách hàng làm trọng tâm phục vụ”. Theo đó, trong suốt nhiều năm liền trở lại đây, Kho bạc Nhà nước đã đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tinh giảm thủ tục hành chính, tăng cường minh bạch thông qua việc cung cấp 100% thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình với 100% đơn vị thuộc đối tượng bắt buộc tham gia dịch vụ công trực tuyến.

Chỉ trong vòng 5 năm, từ 2016 đến 2020, Kho bạc Nhà nước đã hoàn thành triển khai dịch vụ công trực tuyến đến 100% đơn vị (trừ khối an ninh - quốc phòng) với 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc. Từ 100% giao dịch được giao nhận thủ công, đến nay, các giao dịch đã hoàn toàn được thực hiện trên dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước. Hàng năm, Kho bạc Nhà nước đã giải quyết trên 20 triệu hồ sơ kiểm soát chi ngân sách nhà nước trên dịch vụ công trực tuyến, chiếm trên 95% tổng số giao dịch kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước.

Hàng năm, Kho bạc Nhà nước đã giải quyết trên 20 triệu hồ sơ kiểm soát chi ngân sách nhà nước trên dịch vụ công trực tuyến, chiếm trên 95% tổng số giao dịch kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước.

Đặc biệt, Kho bạc Nhà nước đã hoàn thành mục tiêu xây dựng Kho bạc điện tử theo chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2010 - 2020, chuyển từ giao dịch thủ công truyền thống sang Kho bạc điện tử. Đồng thời, Kho bạc Nhà nước đã ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện phục vụ các chức năng và nhiệm vụ cốt lõi của Kho bạc Nhà nước như: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước; quản lý ngân quỹ và huy động vốn cho đầu tư phát triển; tổng hợp, lập Báo cáo tài chính nhà nước; tổng hợp Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước; công tác kiểm soát chi; thanh tra, kiểm tra.

Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng hướng tới Kho bạc số

Để có được những kết quả tích cực, mang lại cho khách hàng và các đơn vị sử dụng ngân sách nhiều thuận lợi trong giao dịch, Kho bạc Nhà nước đã triển khai đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại như: Hình thành trung tâm dữ liệu, ảo hóa, điện toán đám mây, lưu trữ, sao lưu tập trung...; xây dựng và triển khai Trục tích hợp (ESB-Enterprise Service Bus) trở thành xương sống kết nối trao đổi thông tin giữa các chương trình ứng dụng trong và

ngoài Kho bạc; thực hiện các nhiệm vụ định tuyến, chuyển đổi và xác thực dữ liệu truyền/nhận giữa các chương trình ứng dụng, cung cấp công trao đổi thông tin với đối tác trong và ngoài ngành Tài chính như cơ quan thuế, hải quan và các ngân hàng thương mại trong thanh toán điện tử song phương và phối hợp thu ngân sách nhà nước.

Các thông tin được trao đổi qua Trục tích hợp là dữ liệu chứng từ truyền/nhận giữa các hệ thống ứng dụng với Tabmis (Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc); lệnh thanh toán, điện tra soát, điện đối chiếu, lệnh quyết toán... giữa Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại; lệnh hoàn thu, bảng kê thu ngân sách nhà nước hàng ngày truyền - nhận giữa Kho bạc Nhà nước và cơ quan thuế, hải quan...

Góp phần thực hiện thành công các mục tiêu đã đặt ra tại Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, đặc biệt là hướng tới mục tiêu hoàn thành xây dựng Kho bạc số, trong thời gian tới, Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục bám sát chương trình hành động của chiến lược để chủ động thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Trong đó, Kho bạc Nhà nước đặc biệt chú trọng và ưu tiên nguồn lực hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy trình nghiệp vụ, nhất là các đề án, chính sách thuộc Chương trình hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đồng bộ cho việc chuyển đổi từ Tabmis sang Hệ thống quản lý ngân sách và kế toán nhà nước số (VDBAS).

Trước mắt, Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được của giai đoạn phát triển 2010 - 2020, tăng cường liên thông, kết nối thông tin, dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của Kho bạc.

Bước đi vững chắc đầu tiên cho Kho bạc số

Một kết quả đáng ghi nhận trong tiến trình tiến tới Kho bạc số của Kho bạc Nhà nước là việc thanh toán tự động một số khoản chi thường xuyên và các khoản chi dịch vụ do đơn vị sử dụng ngân sách ủy quyền.

Quy trình của việc thanh toán tự động này là Kho bạc Nhà nước thực hiện kết nối hệ thống công nghệ thông tin với các nhà cung cấp dịch vụ và ngân hàng thương mại. Định kỳ, các nhà cung cấp gửi hóa đơn trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua ngân hàng thương mại cho Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước căn cứ trên các hóa đơn tự động trích nơi tài khoản của đơn vị sử dụng ngân sách để thực hiện thanh toán cho các nhà cung cấp và gửi giấy báo nợ cho đơn vị sử dụng ngân sách.

Mặc dù mới chỉ là bước khởi đầu, nhưng với những lợi ích mang lại, việc thanh toán tự động này đã cho thấy Kho bạc Nhà nước đang có những bước đi vững chắc để tiến tới kho bạc số.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI: GIẢM BIÊN CHẾ LÀ PHẢI GIẢM CÁN BỘ SÁCH NHIỀU VÀ TĂNG LƯƠNG CHO NHÂN VIÊN MÃN CÁN

Đại biểu Quốc hội Vũ Trọng Kim (đoàn tỉnh Nam Định) nhấn mạnh, tinh giản biên chế phải giải quyết được hai vấn đề là giảm được cán bộ sách nhiễu và tăng được lương cho cán bộ mẫn cán, chuyên nghiệp.

Chiều ngày 04/11/2024, Quốc hội tiếp tục thảo luận về đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiều nội dung quan trọng khác.

Phát biểu thảo luận, đại biểu Quốc hội Hà Sỹ Đồng (đoàn tỉnh Quảng Trị) nêu thực trạng nhân lực khu vực công chuyển sang khu vực tư đang rất nhiều, phần lớn là nhân lực chất lượng cao. Ngược lại, thu hút nhân tài vào khu vực công gặp nhiều khó khăn do mức lương khởi điểm không đủ để thuê nhà ở các thành phố lớn.

“Về cải cách tiền lương, không thể phủ nhận nỗ lực tăng lương cơ sở 30% của năm nay, nhưng cho dù thế thì một bộ phận cán bộ, công chức mới được tuyển dụng dù xuất sắc đến đâu lương cũng mới chỉ đủ tiền thuê nhà ở mức bình dân và chi tiêu hết sức tằn tiện. Thế nên, rất dễ hiểu là các địa phương đều phải xin cơ chế riêng để thu hút nhân tài, Quốc hội ủng hộ việc này, nhưng nhân tài thì vẫn như lá mùa thu”, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị phân tích.

Theo đại biểu Hà Sỹ Đồng, bao nhiêu năm qua, chúng ta nói rất nhiều đến sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách tiền lương. Báo cáo của Bộ Nội vụ tại Kỳ họp này nói rằng, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước về cơ bản đã hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nhưng gần 70% ngân sách chi thường xuyên hiện nay là dùng để trả lương, vậy thì tinh giản biên chế đã thực sự đạt yêu chưa? Rồi những kết quả xếp loại chất lượng công chức trong năm 2023, chỉ có 6,57% là không hoàn thành nhiệm vụ, còn lại đều hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. “Vậy như thế đã là đánh giá đúng tình hình chưa?”, ông Đồng đặt vấn đề.

Về giải pháp, theo đại biểu Quốc hội đoàn tỉnh Quảng Trị, một cụm từ được nhắc đến rất nhiều tại kỳ họp này là “thể chế là điểm nghẽn của điểm nghẽn”, cần phải tháo gỡ vướng mắc về thể chế. Mà để gỡ được điểm nghẽn thể chế thì rất cần nhân lực chất lượng cao, song đây cũng đang là khâu bị nghẽn. Do đó, đại biểu Hà Sỹ Đồng đề xuất phải có giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn về nguồn nhân lực.

Tranh luận lại với đại biểu Hà Sỹ Đồng, đại biểu Vũ Trọng Kim (đoàn tỉnh Nam Định) cho biết, Báo cáo số 205/BC-CP của Chính phủ mới chỉ đề cập về tinh giản biên chế, bộ máy hành chính của cấp huyện và cấp xã. Ông cho rằng, cần phải cách mạng hóa về biên chế, bộ máy cả ở Trung ương và địa phương.

Vị đại biểu đoàn tỉnh Nam Định chỉ rõ, việc giảm được biên chế có 2 tác dụng: thứ nhất là giảm được người sách nhiễu, thứ hai là tăng được lương cho cán bộ mẫn cán, cán bộ chuyên nghiệp hơn và hiệu quả hơn.

Cũng theo đại biểu Vũ Trọng Kim, ông nhận thấy Báo cáo số 205/BC-CP của Chính phủ không nêu về vấn đề dân số và các chính sách liên quan.

Vì thế, ông đề nghị nhà nước cần nhanh chóng nghiên cứu chính sách dân số trước thách thức già hóa dân số, bởi có nguồn nhân lực tốt mới giữ được đà tăng trưởng GDP khoảng 6% - 7% cho những năm tới, đồng thời chuẩn bị kỹ để làm chủ nền công nghiệp hiện đại, thu nhập cao sẽ đến trong tương lai gần.

Nguồn: anninhthudo.vn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHIẾN NHÀ ĐẦU TƯ “ĐƯỜNG XA NGHĨ NỖI SAU NÀY MÀ KINH”

Việc giải quyết thủ tục hành chính ở một số cơ quan vẫn còn tình trạng kéo dài, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, nhất là trong quá trình phối hợp trao đổi, lấy ý kiến khi giải quyết thủ tục hành chính giữa các Bộ, ngành.

Việc trao đổi giữa các Bộ, ngành rất chậm, không theo quy trình một cửa, chưa thực sự quan tâm lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ, khiến cho nhà đầu tư mòn mỏi chờ đợi dẫn đến mất cơ hội đầu tư, đành tâm tư rằng “đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh”.

Đó là thực tế được đại biểu Nguyễn Thành Nam (tỉnh Phú Thọ) phản ánh trong phát biểu sáng ngày 04/11/2024, khi Quốc hội thảo luận về tình hình kinh tế, xã hội.

Theo đại biểu, việc giải quyết các thủ tục hành chính ở một số cơ quan vẫn còn tình trạng kéo dài, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, nhất là trong quá trình phối hợp trao đổi, lấy ý kiến khi giải quyết thủ tục hành chính giữa các Bộ, ngành.

Vị đại biểu tỉnh Phú Thọ nêu ví dụ mà đối chiếu giữa quy định pháp luật với thực tế còn khoảng cách rất xa, như việc triển khai 2 dự án trọng điểm về xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp huyện Hạ Hòa và huyện Tam Nông trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Cụ thể, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các nhà đầu tư đã quan tâm khởi động dự án từ tháng 9/2018, nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu là tháng 3/2021, hoàn thiện bổ sung hồ sơ vào tháng 8/2022. Trong quá trình xử lý hồ sơ dự án từ khi khởi động, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành 51 văn bản xin ý kiến, báo cáo giải trình gửi các Bộ, ngành về thủ tục đất đai, thủ tục đấu nối giao thông, thủ tục về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và nhiều thủ tục khác liên quan đến dự án.

Nhưng “việc trao đổi giữa các Bộ, ngành rất chậm, không theo quy trình một cửa, chưa thực sự quan tâm lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ. Trong khi theo quy định của Luật Đầu tư, tổng thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

không quá 3 tháng, riêng việc lấy ý kiến các cơ quan nhà nước liên quan đến nội dung thẩm định không quá 15 ngày. Nhưng đến nay hồ sơ dự án trên vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, nhà đầu tư vẫn mòn mỏi chờ đợi dẫn đến mất cơ hội đầu tư, đành tâm tư rằng đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh”, ông Nam phản ánh.

Từ thực tế trên, ông Nam đề nghị Quốc hội, Chính phủ cần tăng cường giám sát, kiểm tra chuyên đề về giải quyết thủ tục hành chính để tạo sự lan truyền mạnh mẽ về đổi mới cải cách từ trung ương đến địa phương. Thực hiện đúng, đủ nghiêm túc các quy định, nguyên tắc về thực hiện thủ tục hành chính, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với địa phương theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Cũng quan tâm cải cách thủ tục hành chính, đại biểu Trần Anh Tuấn (TP. Hồ Chí Minh) nói, để đạt được tốc độ tăng năng suất xã hội, ngoài những biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính thì cần phải giải phóng mạnh nguồn lực xã hội, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tinh gọn bộ máy.

“Hiện nay, chúng ta thấy một hồ sơ phải đi qua rất nhiều cơ quan, mà một cơ quan thì qua rất nhiều bộ phận, tôi nghĩ cần phải rút gọn bộ máy để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, giải phóng nguồn lực xã hội để tăng năng suất lao động”, ông Tuấn nêu quan điểm.

Nhìn nhận nhiều tiềm năng, lợi thế của đất nước chưa được phát huy hết, đại biểu Đào Hồng Vận (tỉnh Hưng Yên) đề nghị đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng phân cấp, phân quyền, làm rõ trách nhiệm và gắn liền với việc kiểm soát quyền lực và trách nhiệm công vụ.

“Vừa qua, Chính phủ đã trình Quốc hội một số dự thảo luật để tăng tính phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp. Tuy nhiên, bằng các thể chế pháp luật, chúng ta phải tăng cường công tác kiểm soát để triển khai công việc hanh thông, thuận lợi, tuy nhiên phải đi vào đúng quỹ đạo, vào đúng khuôn khổ pháp luật”, vị đại biểu Hưng Yên nói.

Vẫn theo đại biểu Vận, cùng với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cần tiếp tục đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm. Không những cần quan tâm đến việc chống lãng phí ở lĩnh vực công, mà thực tế như các đại biểu nêu là còn nhiều dự án, công trình đầu tư công còn lãng phí.

“Tôi quan tâm ở đây là lãng phí của xã hội, đặc biệt là lãng phí của lĩnh vực tư, nếu chúng ta không làm tốt việc cải cách thủ tục hành chính. Vì hiện tại, rất nhiều dự án nhiều năm nhà đầu tư đang triển khai rồi, nhưng không đưa vào để khai thác được, không đưa vào để thực hiện được, việc này là một tồn tại gây lãng phí rất lớn đối với nguồn lực của xã hội”, ông Vận nêu ý kiến.

Nguồn: baodautu.vn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào Dự thảo Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi, bổ sung) trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ nhằm hoàn thiện khung pháp lý để sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu quả trên cơ sở hoàn thiện mô hình tổ chức Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Bộ Nội vụ cho biết, để tiếp tục hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Nội vụ kiến nghị Chính phủ trình Quốc hội việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) với mục tiêu chung nhằm hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, tạo cơ sở pháp lý cao nhất cho việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu cụ thể nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Đồng thời, hoàn thiện khung pháp lý để sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu quả trên cơ sở hoàn thiện mô hình tổ chức Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ, đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bên cạnh đó, bảo đảm gắn quyền hạn với trách nhiệm và xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật kỷ cương, xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, phục vụ Nhân dân.

Bộ Nội vụ đề xuất 5 nhóm chính sách

Đề đạt được các mục tiêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất 5 nhóm chính sách xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi, bổ sung):

Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả.

Chính sách 2: Hoàn thiện quy định về mối quan hệ phân công, phối hợp trong thực hiện quyền lực nhà nước; cơ chế kiểm soát quyền lực giữa Chính phủ với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp, bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp

ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Chính sách 3: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các bộ, cơ quan ngang bộ, giữa Chính phủ với chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, bảo đảm đề cao trách nhiệm của người đứng đầu bộ, ngành và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với các nội dung được phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật.

Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định để đổi mới phương thức tổ chức hoạt động của Chính phủ phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ số, bảo đảm tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

Chính sách 5: Hoàn thiện các quy định về tổ chức của Chính phủ để tạo khung pháp lý sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Anh Cao, Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (SỬA ĐỔI)

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) nhằm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới; tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

Theo đó, mục tiêu chung của việc xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) là thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới; tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

Đồng thời, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Theo đó việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương phải phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và đồng bộ với các Luật về tổ chức bộ máy: Tổ chức Chính phủ, Quốc hội, Tòa án, Viện kiểm soát nhân dân; các luật có liên quan quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của chính quyền địa phương.

Đáp ứng yêu cầu của quản trị quốc gia, quản trị địa phương trong tình hình mới. Theo đó, yêu cầu bộ máy chính quyền địa phương phải tinh gọn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế phối hợp chặt chẽ; phát huy sự tham gia của các chủ thể trong quản trị địa

phương, đảm bảo tính công khai, trách nhiệm giải trình, ứng dụng công nghệ trong hoạt động của chính quyền địa phương gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Khắc phục hạn chế, bất cập, vướng mắc từ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và xuất phát từ thực tiễn triển khai thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương trong gần 10 năm qua.

Mục tiêu cụ thể nhằm quy định rõ việc phân định thẩm quyền và phân quyền, phân cấp, ủy quyền giữa Trung ương và địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương. Phân định rõ sự khác biệt về mô hình tổ chức, bộ máy, nhân sự giữa chính quyền địa phương ở đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo hướng giảm cấp chính quyền phù hợp ở một số địa phương. Thực hiện thống nhất mô hình chính quyền đô thị trong cả nước.

Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền địa phương trên cơ sở nguyên tắc phân quyền, hạn chế quy định phân cấp; quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng giảm bớt nhiệm vụ của tập thể Ủy ban nhân dân, tăng cường nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính ở địa phương.

Tăng cường liên kết vùng nhằm phát huy lợi thế so sánh, tạo lợi thế cạnh tranh, động lực phát triển cho vùng thông qua việc kết nối về không gian kinh tế - tự nhiên - văn hóa - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước, tạo không gian phát triển, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Để đạt được các mục tiêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất 6 nhóm chính sách xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi):

Chính sách 1: Hoàn thiện quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương.

Chính sách 2: Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp trên nguyên tắc “chính quyền địa phương cấp nào giải quyết sát thực tiễn, hiệu quả hơn thì giao chính quyền địa phương cấp đó thực hiện”; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền.

Chính sách 3: Hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; đẩy mạnh cơ chế liên kết vùng.

Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Chính sách 5: Hoàn thiện quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp.

Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư ban hành quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Dự thảo Thông tư quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ. Việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thông tư này không áp dụng đối với việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

Nguyên tắc cập nhật, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu

Dự thảo Thông tư nêu rõ nguyên tắc cập nhật, kết nối, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Theo đó, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được quản lý tập trung từ trung ương đến Bộ, ngành, địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan, đơn vị.

Công tác cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan, được thực hiện thống nhất, liên tục, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin của các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu bảo đảm nguyên tắc dữ liệu chỉ thu thập từ một nguồn, một lần không trùng lặp và chia sẻ lại các hệ thống thông tin có liên quan phục vụ khai thác dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

Cơ quan, đơn vị được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải đảm bảo điều kiện hạ tầng hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Nội vụ, quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

9 cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Theo dự thảo, danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ bao gồm: 1. Cơ sở dữ liệu về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. 2. Cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy. 3. Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. 4. Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. 5. Cơ sở dữ liệu về thanh niên. 6. Cơ sở dữ liệu về tôn giáo. 7. Cơ sở dữ liệu về thi đua - khen thưởng. 8. Cơ sở dữ liệu về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. 9. Cơ sở dữ liệu về nhân tài.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ. Nội dung của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Phạm vi, nội dung cụ thể từng cơ sở dữ liệu tại Phụ lục kèm theo.

Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

Dự thảo nêu rõ, thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có giá trị pháp lý trong quản lý ngành Nội vụ.

Hình thức khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện thông qua tài khoản được cấp hoặc thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

Cơ quan quản lý và cơ quan, đơn vị cấp dưới được khai thác sử dụng thông tin trong phạm vi quản lý; ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm quản lý và khai thác sử dụng thông tin từ các tài khoản người dùng; tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong thẩm quyền quản lý.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành Nội vụ có nhu cầu sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Đối với thông tin liên quan Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin cần đảm bảo quy định về bảo mật thông tin an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Theo dự thảo, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Tiếp tục thực hiện điều tiết ngân sách trung ương hưởng 100% đối với: Số thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, dịch vụ xuyên biên giới và các dịch vụ khác do nhà cung cấp nước ngoài thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Số thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

Thực hiện phân chia nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị quyết số 64/2018/QH14 của Quốc hội; phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2022/QH15 của Quốc hội.

Nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) nộp ngân sách trung ương 100%; đồng thời, bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước cho Bộ Giao thông vận tải tương ứng 65% số thu và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tương ứng 35% số thu để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

Nguồn thu xử phạt hành chính trật tự an toàn giao thông đường bộ nộp ngân sách trung ương 100%; bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước cho Bộ Công an tương ứng 85% số thu đã thực nộp ngân sách nhà nước năm 2023 và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tương ứng với 15% số phát sinh thực tế trên địa bàn từng địa phương năm 2023 để chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Nguồn thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý được sử dụng cho chi đầu tư phát triển thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Tăng số bổ sung cân đối ngân sách cho các địa phương để có thêm nguồn lực đáp ứng các nhiệm vụ chi quan trọng, phát sinh ở địa phương; bổ sung có mục tiêu bù mặt bằng chi ngân sách của một số địa phương để đảm bảo nhiệm vụ chi không thấp hơn dự toán năm 2023 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) do dự toán thu cân đối năm 2025 thấp hơn năm 2023.

Tổng hợp một phần thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương đến hết năm 2024 còn dư sang bố trí dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 để giảm áp lực cân đối ngân sách trung ương phải bổ sung cho ngân sách địa phương thực hiện cải cách tiền lương.

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã quyết định đối với năm trong thời kỳ ổn định ngân sách. Đối với năm 2025, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ khả năng ngân sách quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm 2024. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

Đồng thời, ngân sách cấp tỉnh bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới để thực hiện cải cách tiền lương theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Giao dự toán thu ngân sách nhà nước tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách nhà nước Thủ tướng Chính phủ giao

Dự thảo nêu rõ, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách nhà nước Thủ tướng Chính phủ giao.

Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp dưới phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2024; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn.

Về phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên, dự thảo nêu rõ, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên các đơn vị sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao đúng thời gian quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; thực hiện đầy đủ các chính sách tiền lương (bao gồm và chi tiết quỹ tiền thưởng), lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội và các chính sách an sinh xã hội gắn với lương cơ sở theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội khóa XV, các chế độ, chính sách đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Đề xuất tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp năm 2025

Dự thảo nêu rõ, các Bộ, cơ quan trung ương tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định; trong đó, phạm vi, tỷ lệ trích số thu được để lại theo quy định tại điểm e, điểm g Khoản 3 Điều này; đồng thời, khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc phải xác định số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với dự toán năm 2024 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dành cho cải cách tiền lương.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, ngân sách cấp dưới phải xác định số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2025 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025. Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2025 của các địa phương đảm bảo không thấp hơn mức Thủ tướng Chính phủ giao.

Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 của các địa phương

Theo dự thảo, nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 của các địa phương bao gồm:

a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2024 thực hiện so với dự toán (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

b) 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán 2024 so với dự toán năm 2023;

c) 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được khấu trừ theo nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

d) 50% kinh phí ngân sách địa phương dành ra (khi xây dựng dự toán) từ việc giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 còn dư chuyển sang;

e) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ, các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đặc thù, quan trọng không thể cắt giảm) dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao, gồm: 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng thêm so với 2023 và 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với 2024;

g) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2025. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước (trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao khoán kinh phí và tự bảo đảm tiền lương): Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

+ Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

+ Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

+ Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo chế độ quy định).

h) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (bao gồm cả quỹ tiền thưởng) và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện.

Dự thảo cũng nêu rõ, ngân sách trung ương hỗ trợ nhu cầu điều chỉnh tiền lương tăng thêm (bao gồm cả quỹ tiền thưởng) cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương sau khi đã cân đối nguồn mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu theo chế độ quy định.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VIỆC SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG LÀ NHÀ, ĐẤT

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất.

Theo đó, tại dự thảo Nghị định Bộ Tài chính đề xuất 5 hình thức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất gồm: 1. Giữ lại tiếp tục sử dụng; 2. Thu hồi; 3. Điều chuyển; 4. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; 5. Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

Theo dự thảo Nghị định, việc giữ lại tiếp tục sử dụng được áp dụng đối với nhà, đất đang sử dụng phù hợp với mục đích được Nhà nước giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng, mua sắm.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng có trách nhiệm quản lý, sử dụng nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Việc thu hồi nhà, đất Bộ Tài chính đề xuất được áp dụng trong các trường hợp sau:

Một là, nhà, đất không sử dụng liên tục quá 12 tháng (trừ trường hợp đang triển khai thủ tục để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật).

Hai là, tặng cho, góp vốn, cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết, sử dụng nhà, đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự không đúng quy định, trừ nhà, đất thuộc vụ việc đã được Tòa án nhân dân có thẩm quyền thụ lý.

Ba là, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng nhà, đất nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc sử dụng, khai thác không hiệu quả hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi chức năng, nhiệm vụ.

Bốn là, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tự nguyện trả lại nhà, đất cho Nhà nước.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) ban hành Quyết định thu hồi nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương và địa phương quản lý (bao gồm cả nhà, đất của địa phương khác trên địa bàn).

Việc điều chuyển nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng được áp dụng trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều 42 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện khi xác định được cụ thể đối tượng tiếp nhận. Trường hợp đối tượng tiếp nhận là cơ quan, tổ chức, đơn vị thì tại văn bản đề nghị tiếp nhận nhà, đất phải thuyết minh sự phù hợp của việc tiếp nhận nhà, đất với quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

Trường hợp tài sản khác (không phải là nhà, đất) hiện có tại cơ sở nhà, đất mà cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng thì được điều chuyển đồng thời với cơ sở nhà, đất đó (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận nhà, đất có nhu cầu tiếp nhận và được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đồng ý). Thẩm quyền quyết định điều chuyển, việc bàn giao, tiếp nhận đối với các tài sản khác trong trường hợp này được thực hiện theo quy định áp dụng đối với điều chuyển nhà, đất.

Bộ Tài chính cũng đề xuất, việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý là việc chuyển giao nhà, đất từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý hoặc địa phương khác quản lý, sử dụng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý về các cơ quan chức năng của địa phương để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

Một là, nhà, đất đã bố trí làm nhà ở trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành có khuôn viên độc lập hoặc có thể tách biệt khỏi khuôn viên cơ sở nhà, đất, có lối đi riêng mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

Hai là, nhà, đất không thuộc trường hợp quy định trên mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

Đối với việc tạm giữ lại tiếp tục sử dụng được áp dụng đối với nhà, đất quy định tại Khoản 1, điểm c Khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, điểm c, điểm d Khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

Sau khi hoàn thành việc di dời, chấm dứt việc sử dụng nhà, đất không đúng quy định thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHÁM, CHỮA BỆNH

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý.

Theo đó, tại dự thảo Thông tư, Bộ Y tế đề xuất phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế cho thủ trưởng các đơn vị: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Quản lý Môi trường Y tế; Cục Phòng, chống HIV/AIDS; Sở Y tế.

Cụ thể, Bộ Y tế đề xuất phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ cho Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh như sau:

Một là, cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế đối với người đề nghị cấp giấy phép hành nghề theo một trong các chức danh chuyên môn sau đây: Bác sỹ y khoa; bác sỹ y học dự phòng; bác sỹ răng hàm mặt; bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa, trừ các chuyên khoa thuộc y học cổ truyền; y sỹ đa khoa; điều dưỡng; hộ sinh; kỹ thuật y; dinh dưỡng lâm sàng; tâm lý lâm sàng; cấp cứu viên ngoại viện.

Hai là, thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, trừ giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Ba là, thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, trừ giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Bốn là, cấp mới, cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với:

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, trừ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền trực thuộc Bộ Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế tổ chức theo hình thức cơ sở độc lập chỉ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp.

Bệnh viện tư nhân trong giai đoạn chuyển tiếp từ 01/01/2024 đến trước ngày 01/01/2027, trừ bệnh viện y học cổ truyền tư nhân.

Năm là, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với:

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, trừ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền trực thuộc Bộ Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp.

Bệnh viện tư nhân trong giai đoạn chuyển tiếp từ 01/01/2024 đến trước ngày 01/01/2027, trừ: Bệnh viện y học cổ truyền tư nhân; các trường hợp được phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế cho Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

Sáu là, ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định cấp mới, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động, bao gồm cả việc trưng cầu các chuyên gia tham gia đoàn thẩm định đối với các trường hợp quy định nêu trên.

Bảy là, cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với các trường hợp sau: Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc lưu động tại 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, trừ trường hợp khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền; tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc khám bệnh, chữa bệnh lưu động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các bộ khác (không bao gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), trừ trường hợp khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Tám là, cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế, trừ trường hợp chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Chín là, công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Mười là, đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Mười một là, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế, trừ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế tổ chức theo hình thức cơ sở độc lập chỉ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp.

Mười hai là, công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, trừ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế tổ chức theo hình thức cơ sở độc lập chỉ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp.

Mười ba là, đăng ký hành nghề đối với người hành nghề làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, trừ: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền trực thuộc Bộ Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế tổ chức theo hình thức cơ sở độc lập chỉ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh nghề nghiệp.

Mười bốn là, đề nghị xác định kỹ thuật mới, phương pháp mới, trừ kỹ thuật mới, phương pháp mới y học cổ truyền.

Mười lăm là, đề nghị thí điểm áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới, trừ trường hợp kỹ thuật mới, phương pháp mới y học cổ truyền.

Mười sáu là, cấp mới, cấp lại, bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá, chứng nhận chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ cơ sở đăng ký hoạt động đánh giá, chứng nhận chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Mười bảy là, thừa nhận tiêu chuẩn quản lý chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ tiêu chuẩn quản lý chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Mười tám là, cấp giấy phép hoạt động ngân hàng mô.

Mười chín là, cho phép cơ sở y tế hoạt động lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người.

Hai mươi là, công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế.

Tại dự thảo Thông tư, Bộ Y tế cũng đề xuất phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế cho Giám đốc Sở Y tế như sau:

Một là, cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng cho người làm việc tại các Bệnh viện tư nhân trên địa bàn quản lý.

Hai là, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với các bệnh viện tư nhân trên địa bàn quản lý trong giai đoạn chuyển tiếp từ 01/01/2024 đến trước ngày 01/01/2027 đối với các trường hợp sau: Thay đổi quy mô giường bệnh từ 10% đến dưới 50% nhưng số giường điều chỉnh không được vượt quá 100 giường bệnh; đã hoàn thành việc tự điều chỉnh quy mô giường bệnh dưới 10% và tiếp tục muốn điều chỉnh quy mô giường bệnh đến dưới 50% tổng số giường bệnh (tổng số giường điều chỉnh không được vượt quá 100 giường bệnh); bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật, trừ trường hợp bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Y tế công bố.

Ba là, cấp, cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các Bệnh viện tư nhân trên địa bàn quản lý.

Bốn là, đăng ký hành nghề đối với người hành nghề làm việc tại các Bệnh viện tư nhân trên địa bàn quản lý.

Năm là, công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trực thuộc các Bộ, ngành khác (trừ Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) trên địa bàn quản lý.

Anh Cao, Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ

BỘ XÂY DỰNG: ĐỀ XUẤT THÍ ĐIỂM VỀ PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TP. ĐÀ NẴNG

Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Dự thảo Quyết định nêu rõ, phân cấp cho Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng thực hiện việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo trình tự như sau:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng chỉ đạo, tổ chức việc lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Thứ hai, tổ chức lấy ý kiến về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng theo quy định.

Thứ ba, tổ chức thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng; lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng; báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

Thứ tư, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng.

Thứ năm, cập nhật, công bố nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng theo quy định.

Thứ sáu, báo cáo kết quả thực hiện điều chỉnh cục bộ theo hình thức gửi Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị cho Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng.

Về lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, dự thảo yêu cầu phải phân tích, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau:

Một là, đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị: Có sự điều chỉnh về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hoặc điều chỉnh về địa giới hành chính làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô của đô thị hoặc khu vực lập quy hoạch; hình thành các dự án trọng điểm có ý nghĩa quốc gia làm ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất, môi trường, bố cục không gian kiến trúc đô thị; quy hoạch đô thị không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và môi trường sinh

thái, di tích lịch sử, văn hóa được xác định thông qua việc rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị và ý kiến cộng đồng; có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn; phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.

Hai là, đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu chức năng: Có sự điều chỉnh quy hoạch cao hơn hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp; hình thành dự án trọng điểm có ý nghĩa quốc gia làm ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất, môi trường, bố cục không gian của khu chức năng; quy hoạch xây dựng không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, di tích lịch sử - văn hóa hoặc môi trường sinh thái được xác định thông qua việc rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch xây dựng và ý kiến cộng đồng; do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch; phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng.

Ngoài phân tích nguyên nhân dẫn đến việc điều chỉnh, hồ sơ điều chỉnh cũng phải xác định phạm vi, mức độ, nội dung điều chỉnh, các chỉ tiêu quy hoạch về sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu vực, giải pháp về cải tạo hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển trên cơ sở: phân tích, đánh giá hiện trạng, kết quả thực hiện quy hoạch hiện có; yêu cầu phát triển; các yêu cầu cải tạo, chỉnh trang của khu vực dự kiến điều chỉnh.

Đồng thời, cần phân tích, đánh giá các nội dung dự kiến điều chỉnh cục bộ bảo đảm: không ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô ranh giới, định hướng phát triển chung của đô thị hoặc khu vực quy hoạch và giải pháp quy hoạch chính của đô thị hoặc khu vực lập quy hoạch; không làm quá tải hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch; bảo đảm tính liên tục, đồng bộ của quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hiện có.

Phân tích, đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ, kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch; xác định các giải pháp khắc phục những phát sinh do điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng.

Dự thảo yêu cầu phải lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các nội dung đề xuất điều chỉnh cục bộ (nếu cần thiết).

Các ý kiến đóng góp của đại diện cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) phải được tổng hợp, giải trình bằng văn bản. Các nội dung góp ý phải được phân tích, giải trình đầy đủ, làm cơ sở hoàn chỉnh các phương án quy hoạch theo hướng đảm bảo sự phù hợp có tính khả thi, hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và cộng đồng. Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến là một thành phần của hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Về hình thức, thời gian lấy ý kiến, dự thảo quy định việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Thời gian lấy ý kiến đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị: ít nhất là 30 ngày đối với cộng đồng dân cư; 15 ngày đối với cơ quan, tổ chức. Đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu chức năng, thời gian lấy ý kiến ít nhất là 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; 20 ngày đối với cơ quan.

Dự thảo nêu rõ, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh (Sở Xây dựng TP. Đà Nẵng) là cơ quan thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng.

Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị Thành phố, đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố. Trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng. Thời gian lấy ý kiến của Bộ Xây dựng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Theo dự thảo, chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng phải được công bố công khai bằng các hình thức sau đây:

Một là, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch; cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng.

Hai là, tổ chức hội nghị, hội thảo công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, cơ quan thông tấn báo chí.

Ba là, trưng bày thường xuyên, liên tục bản vẽ, mô hình, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, trung tâm triển lãm và thông tin về quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng, tại khu vực được lập quy hoạch.

Bốn là, tại quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, phần nơi nhận gửi Thủ tướng Chính phủ để báo cáo và gửi Bộ Xây dựng để phối hợp. Chậm nhất 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng gửi Bộ Xây dựng 01 bộ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định để quản lý và lưu trữ theo quy định pháp luật;

Năm là, in ấn, phát hành rộng rãi bản đồ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy định về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng được phê duyệt.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG MẶT ĐẤT GIỮ NGUYÊN SỐ

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về việc chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số, thay thế Thông tư số 35/2017/TT-BTTTT ngày 23/11/2017.

Dự thảo Thông tư nêu rõ: Dịch vụ chuyển mạng được cung cấp trên cơ sở giao kết hợp đồng thương mại giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và thuê bao di động.

Dịch vụ chuyển mạng không bao gồm việc tiếp tục duy trì cung cấp các dịch vụ ứng dụng viễn thông mà thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng đang sử dụng tại Doanh nghiệp chuyển đi. Doanh nghiệp chuyển đi phải đảm bảo không phát sinh cước của bất kỳ dịch vụ nào kể từ thời điểm cắt dịch vụ của thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng.

Số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn 1441 được sử dụng để phục vụ cho các nghiệp vụ chuyển mạng. Thuê bao di động được miễn phí các loại cước, phí khi gửi/nhận tin nhắn đến/khởi phát từ số 1441.

Dịch vụ thông tin di động mặt đất cung cấp cho thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng theo nguyên tắc Doanh nghiệp chuyển đi cắt dịch vụ sau đó Doanh nghiệp chuyển đến mở dịch vụ.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất đối soát chênh lệch số lượng thuê bao chuyển mạng định kỳ theo từng quý kể từ khi chính thức cung cấp dịch vụ chuyển mạng đến thời điểm đối soát.

Tại dự thảo, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đề xuất bổ sung quy định cụ thể về điều kiện chuyển mạng. Theo đó, điều kiện về trạng thái của thuê bao di động tại thời điểm đăng ký dịch vụ chuyển mạng: là thuê bao đang hoạt động cả hai chiều trên mạng của Doanh nghiệp chuyển đi.

Điều kiện về thông tin thuê bao: Thông tin thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng tại Doanh nghiệp chuyển đến chính xác so với thông tin của thuê bao đó tại Doanh nghiệp chuyển đi, bao gồm các thông tin cơ bản như sau:

Đối với thông tin của thuê bao là cá nhân: số giấy tờ và loại giấy tờ tùy thân, gồm: hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân còn thời hạn sử dụng đối với

người có quốc tịch Việt Nam hoặc hộ chiếu còn thời hạn lưu hành tại Việt Nam đối với người có quốc tịch nước ngoài hoặc chứng minh thư Công an, Quân đội đang còn hiệu lực.

Đối với thông tin của thuê bao là tổ chức: số giấy tờ và loại giấy tờ của giấy chứng nhận pháp nhân, gồm: quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều kiện về thời gian sử dụng dịch vụ:

Thuê bao đăng ký chuyển mạng là thuê bao được kích hoạt dịch vụ thông tin di động mặt đất tại Doanh nghiệp chuyển đi ít nhất 90 ngày trước thời điểm đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển mạng, hoặc Thuê bao đăng ký chuyển mạng là thuê bao hòa mạng mới hoặc là thuê bao trúng đấu giá và được kích hoạt dịch vụ thông tin di động mặt đất tại Doanh nghiệp gốc ít nhất 06 tháng trước thời điểm đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển mạng.

Điều kiện về cước dịch vụ thông tin di động mặt đất: Thuê bao trả sau không nợ cước của kỳ thanh toán cước gần nhất trước ngày đăng ký dịch vụ chuyển mạng. Tổng nợ cước nóng của một thuê bao tại thời điểm đăng ký chuyển mạng không lớn hơn 500.000VND (năm trăm ngàn đồng).

Điều kiện về sử dụng dịch vụ chuyển vùng quốc tế: Thuê bao trả sau không sử dụng dịch vụ chuyển vùng quốc tế trong 60 ngày trước thời điểm đăng ký dịch vụ chuyển mạng.

Các điều kiện khác: Không vi phạm các hành vi quy định tại Điều 9 Luật Viễn thông hoặc theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Không có khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng số thuê bao tại Doanh nghiệp chuyển đi; Không đang đăng ký một (01) giao dịch chuyển mạng khác.

Một điểm mới khác của dự thảo là quy định cụ thể quy trình đăng ký chuyển mạng, giấy tờ sử dụng để đăng ký dịch vụ chuyển mạng để triển khai đồng bộ tại tất cả doanh nghiệp, hạn chế tình trạng gây khó dễ cho thuê bao chuyển mạng, từ chối chuyển mạng sai quy định.

Theo dự thảo, thuê bao di động có nhu cầu đăng ký dịch vụ chuyển mạng thực hiện thủ tục đăng ký dịch vụ chuyển mạng bằng một trong các hình thức sau:

Một là, trực tiếp tại điểm do chính Doanh nghiệp chuyển đến trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động).

Hai là, trực tiếp tại các điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được Doanh nghiệp chuyển đến ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc đăng ký dịch vụ chuyển mạng.

Ba là, trực tuyến thông qua sử dụng phần mềm, ứng dụng do Doanh nghiệp chuyển đến cung cấp. Trường hợp phần mềm, ứng dụng dùng để đăng ký trực tuyến không xác thực được thông tin của thuê bao thì phải đăng ký trực tiếp tại các điểm.

Bên cạnh đó, dự thảo Thông tư cũng nêu rõ, doanh nghiệp chuyển đi chỉ được từ chối cho thuê bao chuyển mạng trong 04 trường hợp sau đây:

Một là,, thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng không đáp ứng một trong các điều kiện chuyển mạng theo quy định.

Hai là, thuê bao đăng ký dịch vụ chuyển mạng xuất trình giấy tờ để đăng ký không đúng quy định hoặc giấy tờ để đăng ký dịch vụ chuyển mạng được xuất trình không rõ, không bảo đảm việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc nét, đầy đủ thông tin hoặc giấy tờ tùy thân có thông tin không trùng khớp sau xác thực hoặc không xác thực được.

Ba là, nhận được yêu cầu hủy chuyển mạng từ Trung tâm chuyển mạng.

Bốn là, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP là cần thiết nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thúc đẩy nguồn vốn đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Trong quá trình tổng hợp ý kiến, cộng đồng các quỹ đầu tư có ý kiến việc quy định hạn chế tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn vào quỹ làm giảm sự hấp dẫn của các quỹ đầu tư, gây khó khăn trong huy động vốn của các quỹ đồng thời cũng làm giảm tính thanh khoản của các khoản đầu tư vào quỹ. Do đó, các quỹ đầu tư đề xuất nâng tổng số các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ lên trên mức 30 nhà đầu tư, có thể xem xét quy định tối đa lên tới 99 nhà đầu tư nhằm tiệm cận với quy định về số lượng nhà đầu tư tối đa đối với các quỹ đầu tư thành viên hoạt động theo Luật Chứng Khoán (Điều 105 Luật Chứng khoán).

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và theo dõi thực trạng thành lập, hoạt động của các quỹ đầu tư tại Việt Nam thời gian qua cho thấy, trung bình một quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có số lượng nhà đầu tư góp vốn từ khoảng 3 đến 20 nhà đầu tư. Số lượng nhà đầu tư góp vốn lớn nhất vào quỹ hiện nay cũng chỉ đến 23 nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá quy mô thị trường đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc tăng số lượng nhà đầu tư góp vốn tối đa lên 99 cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng để giảm thiểu rủi ro cho thị trường do các nhà quản lý quỹ có thể lợi dụng chính sách, huy động tiền từ các nhà đầu tư nhỏ lẻ (đặc biệt là hình thức huy động cam kết lợi nhuận) để đầu tư vào các công ty, dự án khởi nghiệp sáng tạo (với đặc tính rủi ro cao), các mô hình kinh doanh rủi ro.

Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và đánh giá mức độ phát triển của thị trường đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Nghị định 38/2018/NĐ-CP như sau: Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, có từ

2 đến tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở Điều lệ quỹ. Vốn góp tối thiểu tại thời điểm thành lập quỹ là 200 triệu đồng.

Điều 5 Nghị định 38/2018/NĐ-CP chỉ cho phép các quỹ thực hiện một số nghiệp vụ hạn chế như đầu tư vốn điều lệ của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo hoặc gửi tiền để lấy lãi tiết kiệm, chưa cho phép nhà đầu tư nắm giữ quyền mua cổ phần (option) tại doanh nghiệp, điều này hạn chế các quỹ đầu tư tiếp cận các tiềm năng tăng trưởng của một doanh nghiệp mới mà không cần phải đầu tư một lượng vốn lớn ngay từ ban đầu. Ngoài ra, thông lệ quốc tế cũng cho phép các quỹ đầu tư có thể đầu tư chứng chỉ tiền gửi để tối ưu hoá nguồn lực tài chính.

Do đó, nhằm mở rộng và hoàn thiện các nghiệp vụ đầu tư của quỹ, đảm bảo đầy đủ các nhu cầu đầu tư cốt lõi và chính đáng, dự thảo Nghị định bổ sung thêm ba lĩnh vực hoạt động của quỹ đầu tư (tại Khoản 3 Điều 5), bao gồm: Đầu tư chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, đầu tư công cụ đầu tư có thể chuyển đổi (convertible instruments) và quyền mua cổ phần tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (option).

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: PHẤN ĐÁU 100% NGƯỜI DÂN SỬ DỤNG SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội có Công văn số 3613/UBND-KSTTHC về việc triển khai thực hiện Thông báo số 487/TB-VPCP ngày 24/10/2024 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 8362/TCTTKĐA ngày 19/10/2024 của Tổ công tác triển khai Đề án 06/Chính phủ.

Theo đó, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu người đứng đầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp tục quan tâm, thống nhất 3 quan điểm chỉ đạo, điều hành nêu tại Phần I, Mục B Thông báo số 487/TB-VPCP ngày 24/10/2024 của Văn phòng Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt và hiệu quả.

Cùng với đó, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã bảo đảm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu: Đến năm 2025, 100% cơ sở y tế (bao gồm cả công lập và tư nhân) và người dân trên địa bàn sử dụng sổ sức khỏe điện tử. Sau năm 2025, mỗi người dân trên địa bàn TP. Hà Nội kể cả những người chưa có thẻ bảo hiểm y tế đều sở hữu một sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và 30% người dân khi đi khám, chữa bệnh có bệnh án điện tử.

Đến năm 2025, 100% người dân có nhu cầu có thể đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp (LLTP) qua VNeID. Tập trung thực hiện “5 đẩy mạnh” gắn với “5 bảo đảm” nêu tại nội dung 1a, Phần III, Mục B Thông báo số 487/TB-VPCP ngày 24/10/2024 của Văn phòng Chính phủ.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, tập trung truyền thông các kỹ năng quan trọng cho người dân như phòng, chống thiên tai, bão lũ, phòng cháy, chữa cháy trên các nền tảng số.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để thực hiện sổ sức khỏe điện tử qua VNeID, hoàn thành trong năm 2024 và thúc đẩy triển khai bệnh án điện tử trên địa bàn thành phố. Đồng thời, bám sát Quyết định số 2733/QĐ-BYT ngày 17/9/2024 của Bộ Y tế hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID; khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn. Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm Xã hội thành phố thực hiện việc rà soát, làm sạch dữ liệu, bảo đảm 100% cơ sở khám, chữa bệnh liên thông dữ liệu lên bảo hiểm xã hội; 100% liên thông, cập nhật dữ liệu khám, chữa bệnh, xét nghiệm, chuyển tuyến, hẹn khám lại để người dân sử dụng.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp Công an thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở khám, chữa bệnh bảo đảm triển khai đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; người dân xuất trình sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VNeID được chấp thuận và sử dụng; chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố tổ chức thực hiện công tác thông tin, truyền thông; phấn đấu đạt 80% tỷ lệ người dân sử dụng trên VNeID/tổng số người dân đến

khám, chữa bệnh; phần đầu đạt 80% tỷ lệ người dân tích hợp bảo hiểm y tế, sổ sức khỏe, giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VNeID đối với người dân thường trú trên địa bàn.

Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội bảo đảm nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID, hoàn thành trong năm 2024; rà soát, chuẩn hóa thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; rút ngắn thời gian cấp phiếu lý lịch tư pháp, hoàn thành trong năm 2024.

Công an thành phố thực hiện đôn đốc, nâng cao tỷ lệ làm sạch dữ liệu án tích, xóa án tích và phối hợp Sở Tư pháp làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Phối hợp với các đơn vị: Tư pháp, thông tin và truyền thông, y tế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; làm đầu mối tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo Tổ công tác triển khai Đề án 06/Chính phủ theo quy định.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU ĐỂ TÁI SỬ DỤNG PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề nghị các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại “Bộ phận Một cửa”. Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu để khai thác, tái sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, TP. Thủ Đức đẩy mạnh việc mở rộng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại “Bộ phận Một cửa”. Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu để khai thác, tái sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất giải pháp cung cấp dịch vụ công trực tuyến bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức, tránh gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và cán bộ, công chức làm việc tại “bộ phận một cửa” các cấp.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Việc này theo hướng tái sử dụng dữ liệu, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại những thành phần hồ sơ đã được cơ quan Nhà nước quản lý theo dạng dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc đã được số hóa trước đó.

Bên cạnh đó, phối hợp với sở, ngành, địa phương nghiêm túc đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Thực hiện nghiêm quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính tại “Bộ phận Một cửa” các cấp theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm đơn giản, dễ thực hiện, dễ theo dõi, giám sát.

Nguồn: sggp.org.vn

BẮC NINH: TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG MỘT CẤP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Vương Quốc Tuấn ký ban hành Văn bản số 4195/UBND-NC về tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ, quyết nghị các nội dung tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2024 và Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương, Chính phủ đã quyết nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh có ý kiến như sau:

Giao Trung tâm Hành chính công tỉnh chủ trì xây dựng Đề án triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đây là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, thời gian thí điểm từ tháng 12/2024 đến ngày 30/11/2025.

Trong thời gian thí điểm, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao nhiệm vụ có giải pháp, sáng kiến mang tính đột phá góp phần cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tiện lợi cho tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng tiêu chí đánh giá; triển khai đánh giá định kỳ hàng tháng và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối với cán bộ, công chức, viên chức các sở, ngành trực tiếp làm việc tại Trung tâm. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng kết, xây dựng báo cáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề xuất mô hình lâu dài của Trung tâm Hành chính công tỉnh trong thời gian tiếp theo, hạn hoàn thiện đến ngày 30/11/2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh yêu cầu các Sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm quy chế của cơ quan, quy chế làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; thường xuyên phối hợp với Trung tâm hành chính công tỉnh đánh giá về thái độ, năng lực, trình độ của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Nguồn: *congluan.vn*

THÁI NGUYÊN: HẠ TẦNG SỐ LÀ NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Hạ tầng số được coi là nền tảng cần phải ưu tiên để chuyển đổi số nói chung và kinh tế số nói riêng phát triển. Đây là lĩnh vực có vai trò quan trọng trong việc cung ứng thiết bị, dịch vụ kết nối dữ liệu và đáp ứng phương thức quản lý thông minh. Với hạ tầng số đã được quan tâm, tỉnh Thái Nguyên hiện thuộc nhóm địa phương dẫn đầu toàn quốc về tỷ trọng kinh tế số trong GRDP địa phương.

Kinh tế số vượt chỉ tiêu

Từ hai năm nay, Hợp tác xã sản xuất chè hữu cơ Trà Giang ở xã Phúc Tân (TP. Phổ Yên) đã quan tâm, đầu tư tiêu thụ sản phẩm qua sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn giao dịch trực tuyến khác như: Postmart, Vò sò, Shopee...

Để hỗ trợ các kênh bán hàng, hợp tác xã đã lập ekip quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng mạng xã hội: Zalo, Facebook, Tiktok... Riêng nền tảng Tiktok, ekip của hợp tác xã đã xây dựng kênh giới thiệu các video ngắn chia sẻ về sản phẩm trà, quy trình sản xuất an toàn... thu hút tới gần 70 nghìn lượt theo dõi và hàng trăm nghìn lượt xem mỗi tháng.

Giám đốc Hợp tác xã sản xuất chè hữu cơ Trà Giang Phạm Thị Giang: Qua các kênh mạng xã hội, lượng khách hàng được bổ sung thường xuyên, đơn hàng của hợp tác xã được chuyển đi toàn quốc. Từ đó, sản lượng tiêu thụ hàng năm tăng từ 15 - 20% và đạt sản lượng tiêu thụ trung bình từ 8-10 tấn/năm, với doanh thu đạt gần 2 tỷ đồng.

Tương tự cách làm của hợp tác xã Trà Giang, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hà Lan đã ứng dụng chuyển đổi số thành công để tăng năng suất lao động, tối ưu hóa vận hành, tạo giá trị kinh tế mới.

Qua một số ứng dụng, hệ thống chuyển đổi số như: Giám sát hành trình, hợp đồng điện tử, đặt xe trực tuyến, vé điện tử cho hành khách đi xe buýt..., Công ty đã tối ưu hoạt động, giảm 20% chi phí chi phí vận hành; tăng tỷ lệ lấp đầy trong hoạt động vận tải từ 20 - 30% và tăng trưởng doanh thu lên đến 30%...

Theo thống kê của Sở Thông tin và Truyền thông, từ hoạt động hiệu quả của các doanh nghiệp, hợp tác xã số, tổng doanh thu kinh tế số trên địa bàn trong năm 2023 đã đạt khoảng

815 nghìn tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay, tổng doanh thu kinh tế số trên địa bàn đạt trên 530 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Toàn tỉnh Thái Nguyên hiện có trên 5.000 doanh nghiệp, hợp tác xã số hoạt động trong các nhóm lĩnh vực khác nhau của kinh tế số như: kinh tế số thuần ICT/Viễn thông; kinh tế số Internet; kinh tế số dựa trên việc chuyển đổi số để tăng năng suất lao động, tối ưu hóa vận hành...

Với kết quả này, tỷ trọng kinh tế số đã chiếm tới 34% trong tổng GRDP của tỉnh, vượt hơn 2 lần chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 01-NQ/TU và xếp thứ 4 toàn quốc. Bên cạnh chỉ tiêu về tỷ trọng kinh tế số, tại bảng xếp hạng chuyển đổi số quốc gia năm 2022, tỉnh Thái Nguyên được đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố toàn quốc về kinh tế số.

Hạ tầng số là nền tảng quan trọng

Để có kết quả trên, những năm qua, tỉnh Thái Nguyên quan tâm phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung phát triển mạng lưới Internet cáp quang, mạng lưới viễn thông di động tới các vùng sâu, vùng xa; đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng cho các hệ thống thông tin được triển khai kết nối liên thông từ tỉnh đến xã và với Trung ương.

Riêng kinh tế số, tỉnh Thái Nguyên tập trung hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực; tư vấn chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và các giải pháp trên nền tảng số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ cài đặt bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp, hóa đơn điện tử, quản lý nhà hàng, kế toán dịch vụ, chữ ký số; đào tạo về chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh...

Tỉnh Thái Nguyên cũng không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng mô hình chợ 4.0.

Trưởng phòng Phòng Bưu chính, viễn thông (Sở Thông tin và Truyền thông) Trần Ngọc Dĩnh cho biết, đến nay tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn tỉnh đạt 45Mbps đối với mạng di động, 87Mbps đối với mạng cố định; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 97%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 76%. Trên địa bàn hiện tại có 7 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông với 1.830 điểm thu phát sóng điện thoại di động (BTS).

Tổng số thuê bao điện thoại di động là gần 1,53 triệu thuê bao, đạt 114 thuê bao/100 dân. Trong đó, có gần 1,21 triệu thuê bao có sử dụng dịch vụ 3G/4G; tỷ lệ thôn bản được phủ sóng di động băng rộng 3G/4G đạt 99,6%...

Toàn tỉnh Thái Nguyên hiện cũng đã có 107 chợ 4.0; 820/898 doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền đạt tỷ lệ 91,3%; hơn 2,7 nghìn sản phẩm cập nhật trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; 15,7 nghìn tài khoản được cấp trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, 426 tài khoản đăng ký sử dụng phần mềm Quản lý nông sản...

Tạo bước đột phá hơn nữa

Sau nhiều năm xây dựng, Dự án Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 vào cuối năm 2023. Hiện nay, Đồ án của dự án này đã thực hiện xong, đang xin ý kiến Bộ Giao thông - Vận tải về đầu nối quy hoạch dự án vào đường vành đai V để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

Theo Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đỗ Xuân Hòa: Việc triển khai Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình sẽ góp phần thu hút đầu tư vào kinh tế số và tạo đột phá trong phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế số như: Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng số phục vụ thương mại điện tử; thúc đẩy đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số...

Đặc biệt, Sở Thông tin và Truyền thông cũng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2027 nhằm tạo đột phá trong chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

Trong đó, đề xuất 9 nhiệm vụ thành phần phát triển hạ tầng số gồm: 100% bệnh viện, trường đại học triển khai 5G trong năm 2024; 100% khu dân cư phủ sóng 5G trong 2025; 100% tuyến cao tốc, quốc lộ được phủ sóng băng rộng di động 4G/5G; phổ cập kết nối cáp quang băng rộng tốc độ Gbps tới hộ gia đình, 100% khách hàng có nhu cầu; Samsung phối hợp với nhà mạng để đầu tư trung tâm dữ liệu quy mô trên 1 nghìn công kết nối 10MW cho các doanh nghiệp FDI; triển khai ứng dụng thiết bị bay không người lái, camera tại Hợp tác xã chè Hảo Đạt; triển khai Trung tâm trải nghiệm ứng dụng 5G; phát triển được các mô hình điểm kết hợp giữa hạ tầng mới, ứng dụng đổi mới sáng tạo...

Năm 2024, Chính phủ lựa chọn chủ đề “Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số, động lực mới cho tăng trưởng kinh tế số và năng suất lao động” cho Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10-10 nhằm hướng tới các mục tiêu hoàn thiện việc nâng cấp, phát triển hạ tầng số để xây dựng kinh tế số.

Nguồn: baothainguyen.vn

GIA LAI: CÔNG NGHỆ NỀN TẢNG TẠO ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

Trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng trở thành một công cụ quan trọng phục vụ cho đời sống, từ lĩnh vực hành chính công đến thương mại, y tế, nông nghiệp, tài chính, giải trí... Công nghệ này sẽ là nền tảng tạo bước đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trí tuệ nhân tạo đang được thúc đẩy mạnh mẽ từ cấp quốc gia, với mục tiêu đưa Trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong Cách mạng công nghệ lần thứ tư. Đến năm 2025, Việt Nam nằm trong nhóm 5 nước dẫn đầu khu vực ASEAN và

nhóm 60 nước dẫn đầu thế giới về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; đến năm 2030, trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn VNPT AI Lê Xuân Sơn cho biết: “Nhiều năm qua, Tập đoàn VNPT đã đồng hành cùng với tỉnh, từ vấn đề hạ tầng viễn thông đến bắt đầu chuyển mình làm chuyển đổi số. Hiện nay, Tập đoàn VNPT đã có những giải pháp về Trí tuệ nhân tạo phục vụ cho thủ tục hành chính công, kết nối cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, giúp cho cán bộ khi tương tác với người dân, doanh nghiệp sẽ có những công cụ hỗ trợ thuận lợi và nhanh chóng, giúp cho ngôn ngữ tư vấn được nhanh chóng, đúng, đủ và kịp thời”.

Việc ứng dụng triển khai trợ lý GenAI cho thủ tục hành chính công sẽ mang lại nhiều lợi ích như lắng nghe mạng xã hội, nắm bắt xu hướng thông tin trên không gian mạng, hỗ trợ cơ quan quản lý thấu hiểu người dân, phân tách hội thoại; nhận diện hình ảnh giải quyết các vấn đề bức xúc của đô thị như tắc nghẽn giao thông, quản lý an ninh trật tự; xử lý văn bản số hóa và bóc tách thông tin văn bản, tài liệu...

Rõ nét nhất hiện nay là ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ sẽ phân tích xu hướng, phát triển chiến lược marketing. Trong lĩnh vực y tế để giúp nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị bệnh, dự đoán sự bùng phát của dịch bệnh. Trong nông nghiệp để quản lý cây trồng, dự đoán năng suất; cơ sở sản xuất đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử để phát triển hoạt động kinh doanh... Bà Đoàn Thị Thúy, chủ cơ sở nuôi ong Phước Hỷ (huyện Chu Păh) cho hay: “Khi ứng dụng Trí tuệ nhân tạo vào hoạt động, tôi thấy Trí tuệ nhân tạo mang lại hiệu quả rất bất ngờ. Trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ viết content hoặc xây dựng kịch bản quảng bá sản phẩm, hỗ trợ thiết kế và triển khai các chương trình marketing, bán hàng online hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Trí tuệ nhân tạo có thể phân tích các dữ liệu khách hàng để tìm ra những xu hướng, thông tin quan trọng về đối tượng khách hàng, đưa ra dự đoán về các xu hướng tiêu dùng mới, giúp người bán có chiến lược marketing phù hợp. Đồng thời, với việc tự động trả lời tin nhắn với ngôn ngữ chính chu sẽ tạo ấn tượng tốt với khách hàng, giúp nâng cao sự hài lòng của khách hàng và tăng khả năng giữ chân khách hàng”.

Theo Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa, Công ty Cổ phần MISA Nguyễn Ngọc Lệ, vấn đề các doanh nghiệp nhỏ đang gặp phải hiện nay là các giải pháp thường sử dụng khá rời rạc, không được kế thừa dữ liệu, kết nối liên thông với nhau, dẫn đến doanh nghiệp mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí về nhân sự. Công ty Cổ phần MISA đã ứng dụng Trí tuệ nhân tạo vào bộ quản trị MISA AMIS để quản lý tất cả các hoạt động cho doanh nghiệp.

“Trước đây, công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp thường tiêu tốn khoảng 80% thời gian cho các công việc thủ công lặp đi lặp lại. Một doanh nghiệp vừa và nhỏ thường cần khoảng 5 - 6 nhân viên kế toán để xử lý tuần tự từng bước cho hàng ngàn hóa đơn chứng từ phát sinh mỗi tháng. Còn giờ đây bằng việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo vào các phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử thì toàn bộ các công việc kiểm tra hóa đơn chứng từ, nhập dữ liệu, làm báo cáo... sẽ được xử lý hoàn toàn tự động chỉ mất vài phút với độ chính xác tuyệt đối. Cùng với đó, Công ty Cổ phần MISA cung cấp các giải pháp liên quan đến công tác quản trị, bán

hàng, nhân sự... Với những giải pháp này sẽ kết nối liên thông, phục vụ cho quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp theo từng giai đoạn”, bà Lê thông tin thêm.

Với chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo, tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 1896/KH-UBND triển khai chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Chiến lược Trí tuệ nhân tạo ứng dụng) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Theo đó, các nhiệm vụ chung đến năm 2030 sẽ tập trung quán triệt và đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung về Trí tuệ nhân tạo; mô hình Trí tuệ nhân tạo ứng dụng tại các sở, ban, ngành, địa phương trên các phương tiện báo, đài, hệ thống thông tin cơ sở và nền tảng số khác; thực hiện việc lồng ghép các giải pháp phát triển Trí tuệ nhân tạo ứng dụng, xác định rõ mục tiêu, nội dung phát triển Trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Sử dụng các sản phẩm Trí tuệ nhân tạo đã được thẩm định, đánh giá theo hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về Trí tuệ nhân tạo. Phối hợp tổ chức thực hiện các khóa đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức về Trí tuệ nhân tạo ứng dụng cho cán bộ, công chức nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tập trung triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh để phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo phục vụ cho phát triển kinh tế số, xã hội số; trong đó, coi trọng việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu mở; kết nối, tích hợp, cung cấp dữ liệu về hệ thống dữ liệu của tỉnh theo quy định.

Trong năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các đô thị có triển khai ứng dụng thông minh triển khai thực hiện danh mục các nhiệm vụ. Phân đầu chỉ tiêu 30% dịch vụ công toàn trình có ứng dụng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ trực tuyến cho người dân; 20% đô thị có ứng dụng Trí tuệ nhân tạo giải quyết ít nhất 1 vấn đề bức thiết của xã hội tại đô thị; 20% cơ quan nhà nước cấp tỉnh đã mở dữ liệu và có dữ liệu mở theo đúng quy định trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ phát triển Trí tuệ nhân tạo ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.

Nguồn: baogialai.com.vn

KON TUM: LẮNG NGHE VÀ THẤU HIỂU DOANH NGHIỆP “THƯỚC ĐO” SỰ HÀI LÒNG

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, từ đầu năm 2024 đến nay, có 27/28 kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tỉnh Kon Tum đã được các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Theo thống kê của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum, đến giữa tháng 10/2024, toàn tỉnh có gần 4.400 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, trong đó có hơn 2.500 doanh nghiệp đang hoạt động.

Hoạt động của các doanh nghiệp đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng, phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, thu nhập cho người lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Tỉnh Kon Tum cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động gặp gỡ, trao đổi để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của các doanh nghiệp, nhờ đó sớm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dấu ấn từ kinh tế tư nhân

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum Lê Ngọc Tuấn nhấn mạnh năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Với sự nỗ lực, cố gắng vượt bậc của các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Kon Tum đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực như tốc độ tăng trưởng đạt 7,34%, đứng thứ 27/63 tỉnh thành và cao nhất trong khu vực Tây Nguyên; tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 20.500 tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ.

Ngành du lịch của tỉnh Kon Tum tiếp tục khởi sắc, thu hút được hơn 1,8 triệu lượt khách, tăng 58,2% so với cùng kỳ năm trước. Tỉnh Kon Tum thu hút được 16 dự án đầu tư, thành lập mới 226 doanh nghiệp...

“Để đạt được kết quả đó, có sự đóng góp vô cùng to lớn của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh Kon Tum. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum ghi nhận, trân trọng cảm ơn và biểu dương những nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển của tỉnh nhà trong thời gian qua”, ông Lê Ngọc Tuấn nhấn mạnh.

Một trong những dấu ấn lớn nhất mà kinh tế tư nhân mang lại cho tỉnh Kon Tum là phát triển du lịch. Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum, 9 tháng năm 2024, tỉnh đã thu hút được xấp xỉ 2 triệu lượt khách, tăng 140% so với cùng kỳ năm 2023, mang lại khoản doanh thu 598 tỷ đồng. Đây được xem là con số khá ấn tượng, bởi năm 2023, phải đến cuối năm, tỉnh Kon Tum mới đón du khách thứ 1 triệu.

Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạch Thị Mân nhận định, bên cạnh nỗ lực của các cấp, các ngành trong việc xây dựng và phát triển các điểm đến du lịch, vai trò của các công ty dịch vụ, du lịch, lữ hành cũng rất quan trọng. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch đã xây dựng các tour, tuyến, xây dựng các hành trình, giúp du khách có cái nhìn tổng quan về điểm đến tỉnh Kon Tum và tạo được thiện cảm đối với khách du lịch.

Đơn cử, Công ty Du lịch Quốc tế Hải Vân Kon Tum đã phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh xây dựng các tour du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các điểm tham quan ở Khu Du lịch sinh thái Măng Đen hay Ngã ba Đông Dương, thu hút được sự quan tâm lớn của du khách trong và ngoài tỉnh.

“Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch cũng thường xuyên đưa ra những kiến nghị, đề xuất giúp ích cho tỉnh như việc đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông; khai thác sâu các văn hóa bản địa, du lịch sinh thái để tạo ra sự khác biệt và thu hút khách quốc tế; phát

triển du lịch xanh, bền vững... Đó đều là những kiến nghị cụ thể, có vai trò quan trọng để Sở tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh triển khai thực hiện, qua đó, giúp du khách biết và đến với Kon Tum ngày một nhiều hơn”, bà Bạch Thị Mân nói.

Luôn lắng nghe và thấu hiểu

Cho đến nay, định kỳ mỗi tháng một lần, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức Chương trình Càphê doanh nghiệp - doanh nhân. Cùng với đó, tỉnh tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm nhằm tạo không gian gặp gỡ, đối thoại cởi mở, thân thiện giữa chính quyền tỉnh Kon Tum với cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, qua đó, nắm bắt kịp thời, tham mưu những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum Huỳnh Mười cho biết, từ đầu năm 2024 đến nay, có 28 kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; trong đó có 27 kiến nghị đã được các cấp có thẩm quyền giải quyết, một kiến nghị đang được nghiên cứu giải quyết theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản VINA Kon Tum Nghiêm Đức Thuận, cho biết từ đầu năm đến nay, đơn vị đã đưa ra hai kiến nghị, đề xuất để các cấp, các ngành của tỉnh hỗ trợ tháo gỡ liên quan đến các thủ tục hoàn thuế và vấn đề trạm cân nông sản.

“Tôi thấy việc gặp gỡ, đối thoại hay chương trình Càphê doanh nhân - doanh nghiệp rất thiết thực, giúp các doanh nghiệp giải tỏa được các thắc mắc để yên tâm sản xuất. Chúng tôi đưa ra các kiến nghị và bây giờ thì các thủ tục hoàn thuế đã nhanh hơn so với các năm trước; việc quy hoạch, phân bổ các trạm cân nông sản cũng đã có chuyển biến tích cực, qua đó, góp phần ổn định sản xuất. Chính tháng năm nay, công ty đã sản xuất được trên 40.000 tấn nông sản, doanh thu đạt khoảng 400 tỷ đồng”, ông Nghiêm Đức Thuận chia sẻ.

Bên cạnh việc giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Chương trình Càphê doanh nghiệp - doanh nhân còn là điểm đến cho các doanh nghiệp được giao lưu, quảng bá các sản phẩm của doanh nghiệp được giao lưu, quảng bá các sản phẩm của doanh nghiệp nhằm tạo kênh thông tin lan tỏa, quảng bá sản phẩm đặc trưng đến chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đây cũng là nơi để các doanh nghiệp trao đổi, góp ý nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì sản phẩm, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo Kon Tum Đoàn Quốc Anh Khôi cho biết, tại các Chương trình Càphê doanh nghiệp - doanh nhân, các sản phẩm của Hợp tác xã đã được giới thiệu, quảng bá, qua đó, nhận được sự góp ý của các thành viên Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng như các doanh nghiệp.

“Sau khi nhận được sự hỗ trợ của chương trình đối thoại doanh nghiệp và Càphê doanh nghiệp - doanh nhân, Hợp tác xã được hỗ trợ quảng bá sản phẩm bằng cách trình chiếu giới thiệu sản phẩm, gian hàng trưng bày sản phẩm trong các chương trình, từ đó, sản phẩm được nhiều người biết đến, doanh thu của Hợp tác xã đã tăng từ 15 - 20% so với lúc chưa nhận được hỗ trợ của các chương trình”, ông Khôi chia sẻ.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum Lê Ngọc Tuấn nêu rõ các cấp chính quyền trong tỉnh sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện tốt nhất, thuận lợi nhất cho cộng đồng doanh nghiệp đầu tư, phát triển; tiếp tục quyết liệt cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư cạnh tranh, bình đẳng, thông thoáng, hấp dẫn, minh bạch.

“Với sự quan tâm của tỉnh, sự hỗ trợ của các Hiệp hội, Hội Doanh nghiệp; sự nỗ lực, đoàn kết, trí tuệ của đội ngũ doanh nhân trên địa bàn tỉnh, tôi tin tưởng rằng cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Kon Tum sẽ phát huy những thành tích đã đạt được, vượt qua khó khăn, thử thách, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng tỉnh Kon Tum phát triển xanh, nhanh và bền vững”, ông Lê Ngọc Tuấn khẳng định.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐỒNG NAI: “KÍCH HOẠT” TINH THẦN DÁM NGHĨ, DÁM LÀM

Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Đồng Nai trở thành tỉnh văn minh, hiện đại, tốc độ tăng trưởng cao, vượt qua ngưỡng thu nhập cao trong nhóm đầu cả nước.

Để biến những điều này thành hiện thực, đòi hỏi đội ngũ cán bộ của tỉnh phải vươn lên tầm tư duy mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Cán bộ, công chức, viên chức cần trách nhiệm hơn trong công việc

Theo Phó giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Quốc Vũ, công tác cải cách hành chính đã được các đơn vị, địa phương trong tỉnh quan tâm thực hiện và đạt một số kết quả quan trọng. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn được duy trì ở mức cao với tỷ lệ trên 96%; hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh phục vụ công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp từng bước được nâng cấp, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được cải thiện đáng kể, trung bình toàn tỉnh đạt 71,4%; một số sở, ngành, địa phương đạt trên 90%; tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp ở cả 3 cấp đạt trên 98%.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính vẫn còn nhiều hạn chế. Có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng, ban chuyên môn dẫn đến chậm trễ trong cải cách hành chính và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Việc thực hiện trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức tại nhiều địa phương chưa tốt, chưa đúng quy định. Có nơi cán bộ, công chức đầu giờ vào điểm danh có mặt, sau đó bỏ vị trí để làm việc riêng; có lịch tiếp công dân nhưng không có cán bộ trực; có địa phương đóng cửa phòng tiếp công dân trong giờ hành chính...

Tại buổi đối thoại với cán bộ lãnh đạo cấp phòng các cơ quan cấp tỉnh, huyện mới đây, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Hồng Lĩnh nhấn mạnh, tỉnh Đồng Nai hiện đang rất cần đẩy mạnh thu hút đầu tư và đang phải dồn lực để bảo đảm đúng tiến độ

triển khai nhiều dự án trọng điểm quốc gia, nhất là khai thác tốt lợi thế từ Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Để làm được điều này, cần những cán bộ kiên cường vượt khó, dũng cảm chấn chỉnh, cải thiện những yếu kém, hạn chế đang cản trở sự đi lên của tỉnh.

Mới đây, Thanh tra Chính phủ khi công bố kết luận thanh tra về thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2023 có nêu, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, công tác giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Trong đó, có trách nhiệm của một số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và thủ trưởng cơ quan, tổ chức trong giải quyết một số vụ việc chưa cao, nhất là trong việc cho ý kiến chuyên môn còn có hiện tượng né tránh, lòng vòng, đùn đẩy trách nhiệm.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương trong nhiều vụ việc còn chậm trễ, thiếu hiệu quả nên phải trả đi trả lại hồ sơ nhiều lần.

Thanh tra Chính phủ nhận định, việc phối hợp, thẩm định hồ sơ của các cơ quan, tổ chức và chờ lấy ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh mất nhiều thời gian và còn có biểu hiện né tránh, lòng vòng, đùn đẩy trách nhiệm, dẫn đến tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc không giải quyết...

Làm sai bị xử lý, làm tốt được khen thưởng

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trên, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện một số giải pháp. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tổ chức Lễ Ký cam kết giữa lãnh đạo các sở, ngành, cơ quan, địa phương về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thông qua việc ký bản cam kết này, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải cam kết thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch 336/KH-UBND ngày 15/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị 36-CT/TU ngày 06/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong lãnh đạo điều hành thực hiện hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đúng, đủ, chất lượng và hiệu quả.

Đồng thời theo dõi, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền phát sinh sai phạm, không chủ động triển khai nhiệm vụ được giao hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm khắc phục các hạn chế đã được các cơ quan có thẩm quyền xác định liên quan đến cải cách hành chính...

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai Hồ Thanh Sơn đề nghị, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời đề ra các giải pháp nhằm khắc phục các “điểm nghẽn” trong công tác cải cách hành chính đã làm ảnh hưởng đến việc đánh giá các chỉ số của tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, qua đó phát hiện cán bộ, công chức nào có sai phạm thì xử lý ngay và kiên quyết thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, không đáp ứng được yêu cầu công việc được giao.

Bên cạnh đó, cần kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để tạo động lực phấn đấu chung trong toàn tỉnh.

*** Tập trung gỡ điểm nghẽn trong cải cách hành chính**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Võ Tấn Đức cho rằng, các sở, ngành, địa phương phải rà soát, tìm những điểm còn khó khăn, tập trung tháo gỡ để khơi thông các Chỉ số cải cách hành chính; đồng thời, chấn chỉnh lề lối, thái độ làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức nhằm “trị” dứt điểm bệnh sợ trách nhiệm, sợ sai, cầm chừng...

Hoàn thành nhiều nhiệm vụ

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Quốc Vũ cho hay, trong 10 tháng của năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quán triệt các nội dung về cải cách hành chính. Bên cạnh đó, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 06/8/2024 về nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong lãnh đạo, điều hành, thực hiện hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Qua đó, góp phần cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Đồng Nai năm 2024 và những năm tiếp theo.

Tỉnh Đồng Nai đã tổ chức ký cam kết thực hiện Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 15/10/2024 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phân công rõ trách nhiệm thực hiện của từng đơn vị, địa phương theo ngành, lĩnh vực cụ thể. Tham mưu cho tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai công bố nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoàn thành đúng thời gian quy định...

Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh còn tham mưu phương án đơn giản hóa và triển khai rà soát, thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 đối với 34 thủ tục hành chính được phê duyệt phương án đơn giản hóa; 81 thủ tục hành chính phê duyệt chỉ đạo triển khai thực thi; 88 thủ tục hành chính phê duyệt chỉ đạo triển khai tiếp tục rà soát, thẩm định, đề xuất phương án rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Quốc Vũ cho biết thêm, riêng Quý III năm nay, Đoàn kiểm tra công vụ, cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai đã đẩy mạnh kiểm tra, qua đó phát hiện và chỉ ra nhiều điểm còn hạn chế, thiếu sót mà các đơn vị cần tập trung khắc phục.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, gỡ điểm nghẽn trong cải cách hành chính, tỉnh Đồng Nai vừa quyết định kiện toàn Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và Đoàn kiểm tra công vụ. Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đột xuất đến kiểm tra công chức, công vụ nhằm chấn chỉnh những căn bệnh đã được chỉ ra như: sợ trách nhiệm, sợ sai khi thực hiện nhiệm vụ...

Gỡ những vướng mắc, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cấp sở toàn tỉnh đạt gần 59%, cấp huyện đạt trên 75%, cấp xã hơn 68%, đạt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số sở đạt dưới mức chỉ tiêu chung của tỉnh như: Sở Y tế chỉ đạt gần 45%; Sở Tài nguyên và môi trường đạt gần 30%; Sở Kế hoạch và đầu tư đạt trên 24%; Sở Giao thông vận tải đạt gần 23%...

Tỷ lệ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại cấp sở chỉ đạt trên 18%. Tiến độ triển khai thanh toán trực tuyến ở một số địa phương triển khai chậm. Vẫn còn ghi nhận trường hợp lãnh đạo không sử dụng chữ ký số hoặc sử dụng chữ ký số chưa thường xuyên, nhất là cấp xã của các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Võ Tấn Đức yêu cầu: “Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt tại các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nghị quyết chấn chỉnh thái độ làm việc, phong cách phục vụ Nhân dân của một bộ phận công chức, đảng viên trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tổ chức hội nghị đảng viên, cán bộ toàn tỉnh quán triệt, xác lại tinh thần làm việc, lề lối và phong cách phục vụ nhân dân.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Thanh tra tỉnh khẩn trương tham mưu kế hoạch kiểm tra, thanh tra công vụ một số vụ việc xử lý chậm để kiểm điểm, chấn chỉnh toàn hệ thống công chức nhà nước cách thức phục vụ nhân dân.

“Bệnh đã biết rồi thì phải trị dứt điểm để xử lý công việc cho tốt hơn”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Võ Tấn Đức nhấn mạnh.

Nguồn: baodongnai.com.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NỖ LỰC TĂNG HẠNG CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Trong 3 năm gần đây (2021 - 2023), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn đứng trong Top 10 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cả nước. Đặc biệt, năm 2023, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã vươn lên xếp thứ 6 trong Top 10 tỉnh, thành có Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cao nhất. Năm 2024, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, duy trì và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Phấn đấu nâng hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Lê Ngọc Khánh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 16/7/2024 để cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024 với mục tiêu tiếp tục “phấn đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành cao nhất cả nước”. Việc ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND còn nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan, ban, ngành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đột phá từ vị trí 21 lên thứ 6 về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Chỉ thị về cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, đề ra mục tiêu đưa Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh vào trong Top 10 cả nước, giao nhiệm vụ cho từng sở, ngành, cải thiện từng chỉ số thành phần. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cải thiện rõ rệt qua các năm. Từng đứng vị trí thứ 21/63 tỉnh thành năm 2019, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã vươn lên vị trí 16 vào năm 2020; bứt phá xếp thứ tư cả nước vào năm 2022; năm 2023 xếp vị trí thứ 6.

Trước đó, ngày 09/5/2024, tại TP. Hà Nội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023. Báo cáo dựa trên kết quả điều tra hơn 10.000 doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, phản ánh bức tranh sống động về môi trường kinh doanh của Việt Nam trong năm qua.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xếp thứ 6 trong top 10 tỉnh, thành có điểm Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh cao nhất năm 2023. Cụ thể: Các chỉ số tăng điểm như: Gia nhập thị trường (7,24 điểm, tăng 0,29 điểm); Tính minh bạch (6,94 điểm, tăng 1,01 điểm); Chi phí thời gian (7,97 điểm, tăng 0,16 điểm); Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (6,57 điểm, tăng 0,54 điểm); Đào tạo lao động (6,63 điểm, tăng 0,32 điểm); Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (8,00 điểm, tăng 0,59 điểm).

Theo đánh giá của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các chuyên gia kinh tế, sự kiện thăng hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nêu trên phần nào minh chứng cho hành động và giải pháp đúng đắn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Điển hình, tỉnh này thành lập Tổ công tác đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm tổ trưởng, công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận mọi phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư.

Bên cạnh kết quả đáng ghi nhận nêu trên, ông Lê Ngọc Khánh cũng cho hay, năm 2023 bên cạnh những chỉ số tăng điểm Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 4 chỉ số giảm điểm, giảm bậc gồm: Cạnh tranh bình đẳng; tính năng động và tiên phong của chính quyền; tiếp cận đất đai; chi phí không chính thức, tình yêu cầu các sở, ban, ngành chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, linh hoạt, sáng tạo trong quá trình thực thi nhiệm vụ; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc

của doanh nghiệp. Đây là những hạn chế sẽ được tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khắc phục trong thời gian tới.

Nỗ lực triển khai Kế hoạch cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024

Theo ông Lê Ngọc Khánh, để triển khai Kế hoạch số 170/KH-UBND, các ban, ngành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang nỗ lực thực hiện các giải pháp tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, thực hiện Đề án văn hóa công vụ; khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước, trong đó có kế hoạch, giải pháp cải thiện các chỉ số con thuộc lĩnh vực phụ trách được đánh giá chưa tốt. Cụ thể, chỉ số đánh giá “các sở, ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh”; “Chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh”.

Ngoài ra, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết tâm xử lý dứt điểm hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp; doanh nghiệp trả chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện; chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra; số ngày chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch, thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định.

Đáng chú ý, đối với 3 chỉ số tăng điểm, giảm bậc như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; gia nhập thị trường; chi phí thời gian tỉnh giao các sở ngành, phối hợp sở, ngành liên quan, các hiệp hội doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cũng đang duy trì và tập trung cải thiện các chỉ số con về tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục chính thức hoạt động; doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp...

Tăng cường thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến; rà soát lại số giờ thanh, kiểm tra thuế; thông báo cụ thể nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra và không được thanh, kiểm tra doanh nghiệp quá 01 lần/năm; kịp thời phát hiện những thủ tục hành chính không phù hợp để kiến nghị các bộ, ngành Trung ương bổ sung hoặc bãi bỏ, sửa đổi theo thẩm quyền; thống kê, rà soát, phân loại hồ sơ, làm rõ xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong quá trình tham mưu giải quyết chậm trễ hồ sơ.

Để triển khai hiệu quả Kế hoạch, bám sát các nhiệm vụ đã được giao trong Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu các cơ quan, đơn vị được giao làm đầu mối theo dõi, thực hiện các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và các chỉ số thành phần được giao chủ động xây dựng kế hoạch cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chịu trách nhiệm nghiên cứu đề ra các giải pháp để thực hiện đối với từng chỉ số thành phần thuộc thẩm quyền phân công.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của từng cán bộ, công chức đối với nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng điều hành kinh tế địa phương và các nội dung của kế hoạch.

Bên cạnh đó, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chi nhánh Vũng Tàu chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, tuyên truyền định kỳ hàng năm đến các sở, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số Xanh cấp tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giao ban với các cấp, các ngành để nắm tiến độ, kết quả, qua đó kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chưa tốt.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

TÂY NINH: MÔ HÌNH “THỨ HAI KHÔNG VIẾT” VÀ “THỨ SÁU KHÔNG HẸN” HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Mô hình “Thứ Hai không viết” và “Thứ Sáu không hẹn” được Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh triển khai trong năm 2024 là giải pháp thiết thực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Công cuộc chuyển đổi số phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ đã đưa mọi hoạt động của đời sống hiện diện trên môi trường số, trong đó có cả dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, một bộ phận người dân chưa theo kịp sự vận động này.

Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính chưa cao, tỷ lệ hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến còn thấp. Một số người dân cảm thấy khó khăn khi tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Đây là những khó khăn, hạn chế được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu nhận diện. Xác định chuyển đổi số cần phải có thời gian, lộ trình và phải thực hiện từ những cái nhỏ nhất, gần gũi nhất, mang lại hiệu quả thiết thực nhất cho người dân, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu đã thực hiện đồng thời 2 mô hình sáng kiến “Thứ Hai không viết” và “Thứ Sáu không hẹn”.

Chị Nguyễn Thị Anh Đào, Công chức Văn phòng, thống kê Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu cho biết, đối với mô hình “Thứ Hai không viết”, vào thứ hai hằng tuần, khi người dân đến làm thủ tục hành chính chỉ cần cung cấp thông tin, dữ liệu và các giấy tờ liên quan; công chức Bộ phận Một cửa có trách nhiệm hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Trường hợp người dân chưa đăng ký dịch vụ công sẽ được công chức Bộ phận Một cửa hướng dẫn đăng ký tài khoản, thao tác nộp hồ sơ. Sau khi hoàn tất các biểu mẫu, người dân tự

nhấn nút nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công để được tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử theo quy định.

Riêng với những công dân là những người lớn tuổi, người gặp khó khăn khi viết chữ hoặc điền các thông tin vào hồ sơ, công chức sẽ thực hiện hỗ trợ việc điền thông tin đối với những nội dung được cho phép; công dân sẽ nghe, đọc, kiểm chứng thông tin và ký hoặc điểm chỉ.

Từ khi triển khai mô hình “Thứ Hai không viết” đến nay, Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu đã hỗ trợ người lớn tuổi, mù chữ được 90 trường hợp; hỗ trợ đăng ký và hướng dẫn sử dụng nộp hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công quốc gia được 205 trường hợp (trong đó có 115 trường hợp chuyển qua Công an hướng dẫn đăng ký VNeID trước khi đăng ký dịch vụ công quốc gia).

Đối với mô hình “Thứ Sáu không hẹn” hay còn gọi là “5 tại chỗ” bao gồm tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả giúp giải quyết, trả kết quả ngay khi tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ thành phần hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến vào các ngày thứ sáu hằng tuần. Cách làm này đã tạo động lực, khuyến khích tổ chức, công dân thường xuyên sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đặc biệt, mô hình này đã hỗ trợ người dân giải quyết dứt điểm các loại hồ sơ khi kết thúc một tuần làm việc - nhất là các thủ tục liên quan đến giao dịch đất đai, giao dịch ngân hàng, tránh tình trạng kéo dài sang tuần làm việc kế tiếp. Từ khi thực hiện mô hình “Thứ Sáu không hẹn” đến nay, Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu đã giải quyết trong ngày đối với 9 hồ sơ liên quan đến thủ tục đất đai, 45 hồ sơ xác nhận người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tại địa phương, hơn 550 trường hợp xác nhận đơn xin việc làm và xác nhận chỗ ở hợp pháp cho người dân cùng rất nhiều loại giấy tờ khác cho công dân.

Theo lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, qua 6 tháng triển khai hai mô hình trên, các nhóm chỉ số trong bộ chỉ số người dân, doanh nghiệp đều thực hiện tốt, được đánh giá cao. Tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong thực hiện cải cách hành chính của Thị trấn đạt 100%.

Cả hai mô hình đã thiết thực giúp giảm bớt thời gian, chi phí đi lại, chờ đợi của tổ chức, cá nhân, giúp người dân tiếp cận và làm quen với cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, góp phần nâng cao sự hài lòng, thiện cảm của người dân đối với chính quyền địa phương. Ông Vương Sơn Hải (ngụ khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu) cho biết: “Tôi thường xuyên liên hệ Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân Thị trấn để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và luôn được cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn các văn bản pháp luật, xử lý hồ sơ rất nhanh gọn lẹ. Tôi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức Thị trấn”.

Nguồn: baotayninh.vn

TIỀN GIANG: ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 14/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về xác định Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2024, Sở Nội vụ phối hợp với Bưu điện tỉnh tiến hành khảo sát tại 74 đơn vị, bao gồm: 19 đơn vị cấp tỉnh, 55 đơn vị thuộc các huyện, thị xã, thành phố (danh sách kèm theo); thời gian khảo sát từ ngày 01/11/2024 đến hết ngày 20/11/2024; lực lượng khảo sát viên là nhân viên bưu điện.

Để cuộc khảo sát diễn ra đúng kế hoạch, đạt mục tiêu đề ra. Đồng thời, để người dân (đối tượng được chọn khảo sát) hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc xác định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2024; qua đó tham gia trả lời phiếu khảo sát được khách quan, phản ánh đúng tình hình thực tế của địa phương, Sở Nội vụ đề nghị một số nội dung sau:

Một là, các sở ngành, tỉnh được chọn khảo sát phổ biến, quán triệt Kế hoạch 160/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Công văn này đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị và người dân, doanh nghiệp trong danh sách được khảo sát biết và tạo điều kiện thuận lợi cho khảo sát viên tiến hành khảo sát đạt yêu cầu.

Hai là, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố:

Phổ biến, quán triệt Kế hoạch 160/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Công văn này tới tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại địa phương được chọn khảo sát (lưu ý quán triệt thật kỹ cho lực lượng công an cơ sở và Trưởng ấp, khu phố).

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn được chọn khảo sát tăng cường tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân biết được thông tin về việc khảo sát do Sở Nội vụ tổ chức, nhân viên bưu điện thực hiện; tuyên truyền những mặt tích cực, kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính của địa phương thời gian qua; giao Trưởng ấp, khu phố hoặc Phó Trưởng ấp, khu phố hỗ trợ khảo sát viên (nhân viên bưu điện) liên hệ hộ gia đình trong quá trình khảo sát (lưu ý không can thiệp vào quá trình phát, thu phiếu khảo sát).

Ba là, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Báo Ấp Bắc:

Tăng cường thông tin về kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Tiền Giang thời gian qua; thông tin, tuyên truyền Kế hoạch 160/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài.

Sở Nội vụ đề nghị các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Báo Ấp Bắc quan tâm thực hiện.

Nguồn: baoapbac.vn

TĂNG CƯỜNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở TỈNH SÓC TRĂNG

Cải cách hành chính là nội dung quan trọng nhằm góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tăng cường cải cách hành chính ở nước ta nói chung và tỉnh Sóc Trăng nói riêng là nội dung quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng cải cách hành chính ở tỉnh Sóc Trăng, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình hiện nay.

1. Mở đầu

Cải cách hành chính nhà nước là tất yếu khách quan trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương và xác định cải cách hành chính là khâu quan trọng để phát triển đất nước. Các cơ quan nhà nước đã xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Cụ thể: Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010”; Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ “Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020”; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ “Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước đến năm 2030, trong đó xác định: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”(1). Trên cơ sở khẳng định những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng xác định nhiệm vụ “xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả”(2). Để thực hiện nhiệm vụ đó, phải không ngừng tăng cường cải cách hành chính nhà nước, để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

Cụ thể hóa những quan điểm về xây dựng Nhà nước, được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết đã xác định mục tiêu đến năm 2030 với ba trọng tâm, trong đó nhấn mạnh

tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Như vậy, trải qua các giai đoạn, cải cách hành chính nhà nước luôn được Đảng và Nhà nước xác định là một nhiệm vụ thường xuyên, là chủ trương nhất quán xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo và tổ chức hoạt động. Việc ban hành các chỉ thị, nghị định hướng chỉ đạo triển khai thực hiện cải cách hành chính với tinh thần quyết liệt, thông suốt từ trung ương tới địa phương.

2. Thực trạng cải cách hành chính ở tỉnh Sóc Trăng

Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 “Về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 24/11/2021 về “Cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030”, Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 25/4/2022 “triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành 25 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 “Về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành 34 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các lĩnh vực cải cách hành chính. Hiện nay, tỉnh Sóc Trăng đang thực hiện công tác tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2023 theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; phối hợp tổ chức khảo sát, điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh năm 2023.

Trong năm 2023, tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức 02 cuộc đối thoại với doanh nghiệp để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, triển khai đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023, tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực doanh nghiệp quan tâm như: phòng cháy, chữa cháy, tài nguyên và môi trường,... cho gần 100 đại diện các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật các tin liên quan đến doanh nghiệp, phổ biến, giới thiệu chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp trên nền tảng mạng xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuận tiện cập nhật, tra cứu.

“Tăng cường cải cách hành chính ở nước ta nói chung và tỉnh Sóc Trăng nói riêng là nội dung quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do

Nhân dân, vì Nhân dân”.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 20/12/2022 về “Thực hiện cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2023”. Trong đó, xác định rõ 07 nhiệm vụ với 39 phần việc cần thực hiện trong năm liên quan đến cải cách hành chính. Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, 30/30 sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện cải cách hành chính và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phần việc đã đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, bảo đảm tiến độ và đạt hiệu quả tốt. Tỉnh đã và đang triển khai thực hiện toàn bộ phần việc theo Kế hoạch đề ra.

Để đôn đốc, đẩy mạnh cải cách hành chính, tỉnh chú trọng thực hiện công tác kiểm tra. Theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tỉnh đã thực hiện kiểm tra 10 sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn. Trong đó, tập trung kiểm tra toàn diện các nội dung cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

Nhằm góp phần nâng cao nhận thức cho người dân về thực hiện cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/02/2023 về “Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2023” với 14 nội dung. Theo đó, các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tập trung tuyên truyền định kỳ trên chuyên mục cải cách hành chính về nội dung, mục đích, ý nghĩa chương trình cải cách hành chính; nội dung kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, giai đoạn 2021 - 2030. Tập trung triển khai có hiệu quả nền tảng số, công nghệ số, các dịch vụ hành chính công đến mọi nơi, gắn với cuộc sống của người dân, thực hiện thành công các nhiệm vụ về cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã thí điểm triển khai “Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh”. Trong đó, mỗi xã, phường, thị trấn thành lập tổ công nghệ số cộng đồng phù hợp với khóm, ấp để bảo đảm hỗ trợ triển khai nền tảng số, công nghệ số, trực tiếp hướng dẫn kỹ năng số đến với người dân; thúc đẩy việc phát triển xã hội số; hướng dẫn người dân làm quen môi trường số, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền chuyển đổi số mạnh mẽ hơn.

3. Kết quả thực hiện cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính của tỉnh Sóc Trăng đã đạt nhiều kết quả nổi bật, tập trung ở một số nội dung: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Về cải cách thể chế, được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

Thứ nhất, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành đều bảo đảm trình tự, thủ tục ban hành theo quy định; bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, với tình hình thực tiễn địa phương.

Trong kỳ báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua 08 nghị quyết và ban hành 21 quyết định, các văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng trình tự, thẩm quyền. Trong năm không có văn bản có nội dung do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật.

Thứ hai, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Xác định nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh có vai trò quan trọng trong công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 07/02/2023 về “Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023”; đồng thời, tỉnh đã tổ chức 83 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và phổ biến kiến thức pháp luật với 19.415 người tham dự. Tổ chức thành công cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật năm 2023”(3).

Ngoài ra, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sóc Trăng thực hiện chuyên mục “Pháp luật và cuộc sống” 01 kỳ/tháng; đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chuyên mục “Phổ biến, giáo dục pháp luật”, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành và các nội dung pháp luật có liên quan mật thiết đến người dân, ước tính có trên 950 nghìn lượt người xem và nghe. Trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp đăng nhiều tin, bài tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Về cải cách thủ tục hành chính, thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về “Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp”; Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 29/6/2023 của Văn phòng Chính phủ về: “Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại cuộc họp công tác cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả tư vấn chính sách cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh quyết liệt hơn nữa cải cách thủ tục hành chính; tập trung rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền bãi bỏ một số thủ tục hành chính, những quy định không cần thiết làm phát sinh chi phí tuân thủ, nhất là của người dân, doanh nghiệp tại các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là pháp luật chuyên ngành; theo dõi sát, kịp thời nắm bắt và xử lý hoặc tham mưu xử lý dứt điểm những vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; không để tình trạng kéo dài, đùn đẩy trách nhiệm, gây tổn kém chi phí, thời gian của người dân và doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính Phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác phổ biến, triển khai thực hiện các nội dung của Nghị định và các nhiệm vụ liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và rà soát văn bản, thủ tục hành chính có yêu cầu giấy tờ cư trú; ban hành 07 quyết định công bố sửa đổi, bổ sung theo Nghị định đối với 44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông được Ủy ban nhân dân quan tâm và thực hiện hiệu quả; thống kê toàn tỉnh Sóc Trăng có 88 thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông, trong đó: có 58 thủ tục hành

chính được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, 30 thủ tục hành chính được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền (trừ một số thủ tục hành chính thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)(4).

Về cải cách tổ chức bộ máy, trên cơ sở quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Sóc Trăng được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm phù hợp và tránh chồng chéo, trùng lặp. Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm cấp trung gian(5).

Trong năm 2023, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ đối với 108 trường hợp. Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định của pháp luật, không phát sinh trường hợp thực hiện biên chế vượt số giao của cơ quan có thẩm quyền(6).

Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nhằm hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương, tỉnh Sóc Trăng đã thành lập Tổ tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; ban hành quy chế quản lý, khai thác và vận hành trung tâm xử lý, điều hành thông tin tập trung, đa nhiệm phục vụ chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh; ban hành mã định danh điện tử của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dịch vụ chia sẻ dữ liệu và danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin tại trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; ban hành tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua chuyển đổi số; kế hoạch chuyển đổi số; kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng năm 2023.

Với những nỗ lực của các cấp, các ngành, toàn bộ thủ tục hành chính của tỉnh Sóc Trăng đã được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, trong đó có 1.086 thủ tục hành chính được cung cấp ở mức toàn trình, đạt tỷ lệ 59% và 776 thủ tục hành chính được cung cấp ở mức một phần, đạt tỷ lệ 41%. Năm 2023, toàn tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 365.459 hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính, trong đó, hồ sơ mới nhận trực tuyến là 164.471 hồ sơ, đạt 45% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận(7).

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác chuyển đổi số đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV “về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo; ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 “về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó Đề án đã đưa ra lộ trình chuyển đổi số của từng ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy.

4. Giải pháp khắc phục hạn chế trong cải cách hành chính ở tỉnh Sóc Trăng

Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã quan tâm, ban hành đầy đủ văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính theo đúng tiến độ quy định. Văn bản quy phạm pháp luật ban hành bảo đảm chất lượng, các thủ tục hành chính được công bố công khai, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy cơ bản hoàn thành. Trình độ, năng lực và tinh thần làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Hoạt động cải cách tài chính công ổn định, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ, an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo đảm đủ năng lực cho việc triển khai kiến trúc chính quyền điện tử, chuyển đổi số, chính quyền số. Qua đó, góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, còn tồn tại một số hạn chế, như: Tổ chức thực hiện pháp luật một số lĩnh vực chưa nghiêm, chưa hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa thực sự là động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nơi chưa đồng đều, thậm chí còn yếu; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết công việc liên quan đến tổ chức và người dân chưa làm hết trách nhiệm, còn có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực; việc xây dựng chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số, xã hội số chưa đồng bộ; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện một số nhiệm vụ cải cách hành chính chưa chặt chẽ, đồng bộ. Thời gian chốt số liệu và thời gian báo cáo theo quy định quá gần, gây khó khăn cho địa phương trong tổng hợp số liệu.

Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Một là, công tác phối hợp tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính còn thiếu sự nhất quán, kiên trì, liên tục từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; hai là, nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho cải cách hành chính chưa có sự đầu tư thỏa đáng; ba là, các cơ quan chủ trì, tham mưu lĩnh vực cải cách hành chính chưa phát huy vai trò toàn diện, hiệu quả; bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất, uy tín đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong bối cảnh mới còn hạn chế; năm là, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị thiếu sự đôn đốc thường xuyên; sáu là, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với công tác cải cách hành chính còn bất cập; bảy là, một số mục tiêu cải cách hành chính xây dựng định tính nên rất khó đánh giá đúng hiệu quả và trách nhiệm của cơ quan, tập thể, cá nhân liên quan trong tổ chức thực hiện.

Nhằm khắc phục những hạn chế, đồng thời góp phần tăng cường cải cách hành chính nhà nước, cần chú trọng thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với công tác cải cách hành chính; chú trọng nâng cao trách nhiệm, tính đổi mới, sáng tạo của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, chú trọng, ưu tiên lợi ích của người dân là yếu tố quyết định đến hiệu quả công tác cải cách hành chính. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương

trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, liên tục, đột phá, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở trong thực hiện cải cách hành chính. Kết quả thực hiện cải cách hành chính phải được xác định là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực người đứng đầu, xếp loại hằng năm gắn với công tác thi đua, khen thưởng.

Hai là, không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, hiện đại, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp trong thực hiện cải cách hành chính. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương. Tập trung rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền bãi bỏ các quy định không cần thiết, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh, đời sống của người dân. Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm, khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện cải cách hành chính ở địa phương.

Ba là, tiếp tục triển khai thực hiện các dự án, công trình trong khung kiến trúc khính quyền điện tử, Đề án chuyển đổi số tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế quản lý, khai thác và vận hành trung tâm xử lý, điều hành thông tin tập trung, đa nhiệm phục vụ chính quyền điện tử của tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, thang điểm thi đua chuyển đổi số. Chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển các nền tảng, phần mềm, các cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân để khai thác dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý và xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ cho việc triển khai phát triển chính quyền điện tử.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, năng lực và phẩm chất thực thi công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh. Chú trọng xây dựng cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm, trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Hoàn thiện quy định của pháp luật về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ công chức, viên chức trong lĩnh vực cải cách hành chính. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực thi công vụ. Kiên quyết giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức không đạt chuẩn. Thường xuyên biểu dương các cá nhân, tập thể cán bộ, công chức thực hiện tốt hoặc có nhiều sáng kiến trong thực hiện cải cách hành chính; phê phán những biểu hiện tiêu cực, không chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức và người dân.

Năm là, đa dạng hóa công tác tuyên truyền cải cách hành chính thông qua nhiều hình thức với các giải pháp, biện pháp cụ thể, thiết thực. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền. Tiếp tục đẩy mạnh thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính

liên quan đến người dân, doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thanh, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, tạo điều kiện cho người dân thuận tiện cập nhật, tra cứu. Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Ưu tiên đầu tư nhân lực và vật lực trong triển khai công tác tuyên truyền ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng tuyên truyền, giới thiệu về các mô hình mới đang thực hiện thí điểm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

5. Kết luận

Cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng, góp phần xây dựng nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, và từng bước hiện đại để hoạt động quản lý có hiệu lực, hiệu quả. Vì vậy, tăng cường hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở tỉnh Sóc Trăng sẽ góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy dân chủ và khơi dậy mọi tiềm năng, sự sáng tạo của đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

ThS. Vũ Thị Thu Hiền, Học viện Chính trị khu vực IV

Nguồn: lyluanchinhtri.vn

Ghi chú:

Ngày nhận bài: 31/3/2024; Ngày bình duyệt: 16/7/2024; Ngày duyệt đăng: 27/7/2024

(1), (2) ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.118, tr.286.

(3), (4), (7), (8) Xem: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo số 366/BC-UBND ngày 18/12/2023 về Kết quả cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng.

(5), (6) Xem: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo số 318/BC-UBND ngày 20/12/2022 về Kết quả cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng.

PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN CHƯA MẠNH, TẠO CƠ CHẾ XIN - CHO

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã cho rằng: “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh”. Điều này đã cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; đồng thời tạo cơ chế “xin - cho”.

Chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ đặc biệt quan tâm và ban hành nhiều Nghị quyết nhằm tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dưới sự lãnh đạo của Đảng với phương pháp, cách thức cầm quyền dân chủ, khoa học, thường xuyên được đổi mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ từng thời kỳ, sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, sự nghiệp Đổi mới nói riêng đã lập nhiều kỳ tích, đạt được thành tựu.

Tuy nhiên, trong bài viết mới đây, Tổng Bí thư Tô Lâm cho rằng, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh. Điều này đã cản trở sự phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương, đồng thời tạo cơ chế “xin - cho”.

Đất nước đang đứng trước kỷ nguyên mới, với những thách thức mới, yêu cầu mới để thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 thì vấn đề đặt ra là cần phân cấp, phân quyền như thế nào, để địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm nhằm thúc đẩy sự phát triển của các tỉnh, thành phố, nhân tố để quyết định sự ổn định phát triển kinh tế - xã hội.

Liên quan đến vấn đề này, Phóng viên VOV đã có cuộc trao đổi với Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trương Hải Long để làm rõ hơn.

Phóng viên: Thưa Thứ trưởng Trương Hải Long, từ năm 2016 đến nay, thể chế về phân cấp, phân quyền được quan tâm hoàn thiện nhiều hơn với các đạo luật quan trọng như Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 cùng các Nghị định của Chính phủ về lĩnh vực này. Từ thực tế thời gian vừa qua, ông đánh giá như thế nào về việc thực hiện đổi mới này?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Phân cấp, phân quyền là chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Nó được triển khai gắn liền với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước. Đặc biệt, được quan tâm và đẩy mạnh thực hiện cùng với quá trình cải cách hành chính và tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Thể chế về phân cấp, phân quyền cũng từng bước được hoàn thiện. Hiến pháp năm 2013 đã tạo dấu ấn quan trọng trong việc thể chế hóa chủ trương về phân cấp, phân quyền. Theo đó, đã hiến định được những tinh thần cơ bản nhất về phân cấp, phân quyền. Ví như, quyền

lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhà nước thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước. Các quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và được sửa đổi năm 2019. Hoặc Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và cũng được sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã quy định những nội dung cơ bản về phân cấp, phân quyền.

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật chuyên ngành cũng đã quy định những nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương với nhau.

Có thể nói rằng, thời gian vừa qua, chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đã được các cơ quan quán triệt sâu sắc. Điều này đã được thể hiện thông qua số lượng các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phân cấp, phân quyền ngày càng nhiều. Và nội dung về phân cấp, phân quyền được xem xét, đánh giá trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay.

Phóng viên: Thực tế phân cấp, phân quyền đã mang lại những lợi ích rất là rõ ràng cho địa phương. Thế nhưng, không phải là địa phương nào cũng chủ động và kịp thời có những quyết sách và hành động quyết liệt tạo nên những chuyển biến trong diện mạo phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Đã từng có địa phương 1 năm có tới gần 600 văn bản hỏi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực tế này nói lên điều gì thưa ông?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Phải khẳng định là có những địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong việc triển khai các nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền. Nhiều địa phương còn e ngại, né tránh trách nhiệm và chờ văn bản xin ý kiến cấp trên trước khi quyết định.

Việc này kéo dài thời gian giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

Tuy nhiên, cũng phải xem xét, đánh giá một cách toàn diện, việc xin ý kiến của cơ quan cấp trên trước khi triển khai thực hiện phải tính đến những vướng mắc, phát sinh không tránh khỏi trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật đặt ra mà địa phương phải hỏi. Bởi lẽ, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn đang trong quá trình từng bước được hoàn thiện. Trong khi, thực tiễn diễn ra rất đa dạng, phát sinh nhiều vấn đề chưa dự liệu trước được trong pháp luật hiện nay.

Có văn bản pháp luật thiếu thống nhất, đồng bộ về xử lý cùng vấn đề. Trong trường hợp này, đúng là rất khó. Việc địa phương phải làm văn bản cần hướng dẫn của Trung ương để thống nhất trong triển khai là có. Do vậy, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi, chính quyền địa phương cần phát huy cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm, chủ động, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Không né tránh, đùn đẩy công việc. Nhiều khi lấy lý do văn bản, hoặc cấp trên để kéo dài thời gian giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền cần phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong khâu tổ chức thực hiện.

Phóng viên: Có ý kiến cho rằng, nút thắt của việc phân cấp phân quyền chưa hiệu quả. Đó là do hệ thống các văn bản pháp lý về phân cấp, phân quyền trong quản lý hành chính nhà nước chưa đồng bộ. Hầu hết mới dừng lại quy định chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng. Đặc biệt, cơ chế trách nhiệm cũng chưa rõ ràng. Vì thế, tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm thường trực và cũng khá phổ biến trong thời gian vừa qua. Ý kiến của ông về vấn đề này như thế nào?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Tôi đồng tình với quan điểm cho rằng, một trong những nút thắt của việc phân cấp phân quyền chưa hiệu quả, đó là hệ thống pháp luật về phân cấp phân quyền chưa đồng bộ. Nhưng theo tôi, nếu chỉ nêu lý do về hệ thống pháp luật là chưa đủ, ở đây còn có cả trách nhiệm, cũng như cần sự vào cuộc của các cấp chính quyền.

Do đó, để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bên cạnh việc tập trung hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý, cần chú trọng trong công tác tổ chức thực hiện. Mà ở đây là vai trò, trách nhiệm của các cơ quan được phân cấp, phân quyền.

Phóng viên: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương phát huy tính tự chủ, linh hoạt và sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, thực hiện, Quốc hội đã cho phép thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù. Như TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, TP. Hà Nội và một số địa phương khác. Ông có bình luận như thế nào về thực tế hiện nay?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Ở đây chúng ta sẽ làm cần phải làm rõ hai vấn đề.

Thứ nhất, về hình thức phân cấp, phải được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước phân cấp. Trong đó, phải xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước cấp dưới. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước phân cấp và cơ quan Nhà nước được phân cấp. Những chủ thể này phải được quy định rõ ràng.

Thứ hai, về phân cấp tiếp. Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, các cơ quan Nhà nước ở địa phương có thể phân cấp tiếp cho chính quyền địa phương, hoặc cơ quan Nhà nước cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được cơ quan nhà Nước cấp trên phân cấp. Nhưng phải được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước đã phân cấp. Như vậy, ở đây chính quyền địa phương hoàn toàn có thể xác định rõ các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng. Ở đây là các thông tư của các Bộ chuyên ngành.

Đối với việc phân cấp tiếp, cần có sự đồng ý của cơ quan Nhà nước đã phân cấp theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Lý do của việc này, cơ quan phân cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình đã phân cấp, nên cần có cơ chế quản lý, giám sát việc thực hiện phân cấp.

Do đó, khi đã nắm bắt được các quy định về phân cấp, các địa phương hoàn toàn có thể chủ động và không gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện việc phân cấp.

Phóng viên: Một vấn đề nữa mà các địa phương đang gặp phải đó là việc phân cấp giữa Trung ương và chính quyền địa phương còn nặng về chuyển giao nhiệm vụ từ cấp trên xuống, mà chưa chuyển giao tương xứng về thẩm quyền. Đặc biệt là nguồn lực cần thiết như tổ chức bộ máy, nhân lực tài chính cho việc tổ chức thực hiện phân cấp. Do vậy, chính quyền địa phương vẫn chưa đủ thẩm quyền và các điều kiện cần thiết để chủ động thực hiện các nhiệm

vụ mà địa phương có khả năng giải quyết được. Ông có bình luận như thế nào về vấn đề này và cần phải có giải pháp như thế nào cho vấn đề này?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Đúng là nhiệm vụ, quyền hạn phải luôn gắn với nguồn lực thực hiện. Chính vì vậy, tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện nay cũng đã quy định, cơ quan Nhà nước cấp trên khi phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước cấp dưới phải đảm bảo điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình đã phân cấp.

Bên cạnh đó, luật cũng quy định, cơ quan phân cấp vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của cơ quan phân cấp trong việc xác định nội dung phân cấp cũng như hướng dẫn, kiểm tra và bảo đảm nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ mà mình phân cấp.

Tuy nhiên, thực tế xảy ra tình trạng, hiện nay các cơ quan cấp trên chỉ tập trung phân cấp nhiệm vụ mà chưa quan tâm đến chuyển giao quyền hạn, hoặc nguồn lực tương ứng. Nguyên nhân của tình trạng này có cả chủ quan là từ phía cơ quan phân cấp chưa làm hết trách nhiệm của mình.

Và khách quan là từ các quy định pháp luật chưa có sự thống nhất về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giữa phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành với việc chuyển giao nguồn lực trong văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tài sản công, ngân sách nhà nước. Do đó, trong thời gian tới cùng với việc hoàn thiện các quy định pháp luật về phân cấp, Bộ Nội vụ cũng thấy rằng, cần rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật về tài sản công, tài chính, ngân sách, các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển giao nguồn lực để tạo sự đồng bộ trong việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn

Phóng viên: Thưa ông, Tổng Bí thư Tô Lâm và các lãnh đạo Nhà nước cũng đều nhấn mạnh phải đẩy mạnh phân cấp phân quyền với phương châm là địa phương quyết địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm. Vậy, hành lang pháp lý cần phải hoàn thiện như thế nào để đẩy mạnh công cuộc này?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Để hoàn thiện hành lang pháp lý trong thời gian tới, cần phải tập trung triển khai một số nhiệm vụ.

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi các quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền. Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương sẽ được trình Quốc hội sửa đổi vào năm 2025.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang được giao chủ trì tổng kết việc thực hiện và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung của hai luật này. Trong đó, đặc biệt là tập trung nghiên cứu, hoàn thiện các vấn đề mang tính nguyên tắc về phân cấp, phân quyền cũng như ủy quyền. Ví như, về chủ thể hình thức, về phạm vi.

Thứ hai, chúng tôi đang tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong từng ngành, lĩnh vực. Trong đó, phải bám sát quan điểm, các cơ quan Trung ương sẽ tập trung xây dựng thể chế, cơ chế chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát.

Các cơ quan, địa phương tăng cường hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện thi hành.

Trước mắt thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Về việc này, các Bộ, ngành đã và đang tập trung rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để đẩy mạnh phân quyền trong 11 ngành và lĩnh vực. Trong đó, bao gồm kế hoạch đầu tư, tài chính, giao thông vận tải, xây dựng, tài nguyên môi trường, lao động, thương binh, xã hội, văn hóa, xã hội, văn hóa, thể thao, du lịch, khoa học công nghệ, y tế, thanh tra...

Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước đối với 6 ngành, lĩnh vực. Đó là, kế hoạch đầu tư, tài nguyên môi trường, văn hóa, đối ngoại, tư pháp và thanh tra.

Thứ ba, cần quán triệt nguyên tắc xác định phân cấp, phân quyền là nội dung quan trọng không thể thiếu trong công tác xây dựng pháp luật.

Cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định trong các luật theo hướng quy định cụ thể quyền hạn của từng cấp chính quyền. Trên cơ sở đó, các cấp chính quyền địa phương chủ động hơn trong việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong các luật, sẽ không quy định các nhiệm vụ của các cơ quan thuộc cơ cấu tổ chức bộ máy của các Bộ, hay các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp.

Vấn đề về phân cấp do Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước địa phương chủ động ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân cấp một cách linh hoạt.

Và quy định về phân cấp, phân quyền phải được xây dựng trên nguyên tắc toàn diện, đồng bộ. Trong đó, phân cấp, phân quyền triệt để để khắc phục tình trạng phân cấp, phân quyền nhưng vẫn phải xin ý kiến chấp thuận của cơ quan cấp trên. Gắn việc phân cấp phân quyền với việc bố trí nguồn lực để thực hiện.

Phóng viên: Có một vấn đề trong thực tế có thể sẽ cản trở trong quá trình hoàn thiện các quy định pháp luật. Đó là, hiện nay một số Bộ, ngành vẫn còn tâm lý nể nang, né tránh, e ngại vì lợi ích cục bộ. Ngại phân cấp xuống địa phương, có thể e ngại địa phương chưa thực hiện được. Địa phương cũng chùng chình chưa dám quyết một số vấn đề. Vậy, cần phải rõ các cơ chế như thế nào để rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Đây là những tồn tại hạn chế cần khắc phục. Nguyên nhân một phần do quyết tâm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa cao. Và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế.

Phần khác, do hệ thống pháp luật của chúng ta còn chưa đủ rõ, chưa thống nhất, vẫn còn tình trạng mang tính xin - cho.

Để khắc phục tình trạng này, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo nhiều phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật. Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, ngành cần tập trung rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật chuyên ngành thể hiện rõ tinh thần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với từng ngành, lĩnh vực.

Để đảm bảo tính thống nhất trong triển khai thực hiện và đồng bộ trong hệ thống pháp luật, về phía Bộ Nội vụ, hiện nay chúng tôi đang rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Trong đó, có định hướng chính sách xác định nguyên tắc chung về phân định thẩm quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành và giữa Chính phủ, Bộ, ngành với chính quyền địa phương làm cơ sở để các Bộ, ngành rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi các luật chuyên ngành cho thống nhất. Qua đó, thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Chính phủ và đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại và hiệu quả.

Phóng viên: Một yếu tố nữa cũng rất quan trọng. Đó là làm thế nào để các địa phương gánh được trọng trách là địa phương quyết địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm thưa ông?

Thứ trưởng Trương Hải Long: Để đảm bảo cho địa phương thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cần phải phân cấp phân quyền đồng bộ về quản lý, sử dụng các nguồn lực. Ví dụ như tài chính và con người.

Đối với nguồn lực về tài chính, ngân sách, hiện nay một số địa phương khi có yêu cầu đặc thù về phát triển kinh tế, xã hội. Chính phủ cũng đã trình Quốc hội thông qua các Nghị quyết áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù. Trong đó, có chính sách về tài chính, ngân sách bảo đảm cho địa phương chủ động hơn trong việc sử dụng nguồn lực.

Đối với nguồn nhân lực, Bộ Nội vụ đã phân cấp phân quyền gần như tương đối toàn diện cho địa phương trong việc quản lý nguồn nhân lực.

Theo đó, địa phương được chủ động trong bố trí, sử dụng nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trung ương cũng có quy định mở đối với các địa phương khi được giao bổ sung nhiệm vụ mới sẽ được chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền để bổ sung biên chế và nguồn nhân lực cho phù hợp.

Trong quá trình phát triển, các địa phương cũng cần nhận diện đầy đủ các cơ hội, cũng như thách thức, cần phân tích làm rõ các lợi thế so sánh.

Qua đó, chủ động đề xuất các nội dung cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ Trung ương cho địa phương, hoặc trong từng ngành, lĩnh vực. Đồng thời, kèm theo các quy định để địa phương có thể tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sẽ được phân cấp.

Trên cơ sở đó, các cơ quan Trung ương sẽ có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời rà soát, hoàn thiện thể chế, đặc biệt là các cơ chế, chính sách để tạo ra động lực giúp địa phương có đủ nguồn lực và được chủ động trong việc sử dụng nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm địa phương trong thực hiện chuyển giao như chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong thời gian vừa qua.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!.

Nguồn: vov.vn

THẮP SÁNG “NGỌN LỬA” CẢI CÁCH

“Ngọn lửa” cải cách thể chế, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật được Trung ương “thắp lên” và đang được Quốc hội thực hiện nghiêm túc cần phải được thổi bùng lên, thắp sáng trong cả bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là ở các cơ quan quản lý, xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật và tổ chức thực thi pháp luật.

Cuối tuần qua, Quốc hội dành gần một ngày thảo luận tại tổ về kết quả phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, tình hình thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Cùng với những kết quả rất tích cực, rất ấn tượng cũng cho thấy còn nhiều vấn đề, như đánh giá của Tổng Bí thư Tô Lâm là “rất lo”.

Một trong những mối lo đó là hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nội địa còn rất nhiều khó khăn, trên thực tế chắc chắn còn khó khăn hơn nhiều so với những đánh giá của cơ quan chức năng hay qua những con số về số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trên số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường cao hơn cùng kỳ năm 2023.

Dù tăng trưởng GDP năm nay ước thực hiện cao hơn kỳ vọng nhưng các đại biểu Quốc hội cũng thẳng thắn chỉ rõ, “chưa phản ánh hết những khó khăn tiềm ẩn của nền kinh tế”. Lý do là bởi phần lớn mức tăng trưởng vẫn đến từ các lĩnh vực khai khoáng và xuất khẩu, trong đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đóng góp 72,1% giá trị xuất khẩu. Tổng Bí thư Tô Lâm khi thảo luận tại tổ đã nêu thực tế, “nhiều địa phương đang phát triển rất tốt nhưng nếu có dự án lớn rút đi là chơi với ngay, hoặc có sự cố gì đó thì không gượng dậy được”. Đa phần các dự án lớn ở các địa phương cũng là dự án FDI. Nguy cơ ở các địa phương cũng là nguy cơ tiềm tàng trên bình diện cả nước nếu chúng ta không có những biện pháp và hành động quyết liệt hơn nữa để nuôi dưỡng, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nội địa cả về số lượng và chất lượng.

Nói như vậy không có nghĩa là doanh nghiệp nội địa thiếu cơ chế, chính sách để phát triển. Khu vực kinh tế tư nhân với vai trò xương sống của nền kinh tế hiện đang đóng góp gần 45% GDP, 1/3 ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho hơn 85% lực lượng lao động. Những con số này cho thấy, các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, tạo môi trường ngày càng thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng đóng góp đó sẽ còn lớn hơn nữa nếu doanh nghiệp tư nhân được giải phóng khỏi những rào cản về cơ chế, thủ tục, thiếu vốn và cạnh tranh không lành mạnh...

Rất nhiều vướng mắc về thể chế, ở tầm luật đã được Quốc hội khẩn trương tháo gỡ thời gian qua. Ngay tại Kỳ họp thứ Tám này, Quốc hội cũng đang tập trung cao độ xem xét các đề xuất của Chính phủ để sửa đổi, bổ sung một loạt các luật trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, thuế, đầu tư... Tuy nhiên, những cải cách ở tầm luật chỉ phát huy hiệu quả khi những vướng mắc, ách tắc do các văn bản dưới luật và công tác tổ chức thực hiện gây ra cũng được tháo gỡ đồng bộ, thậm chí phải quyết liệt hơn, khẩn trương hơn.

Từ thực tiễn hoạt động, đại biểu Quốc hội Nguyễn Như So (tỉnh Bắc Ninh) cho biết: rào cản thủ tục hành chính, các chi phí không chính thức vẫn như một “vòng kim cô” kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Trong đó, chi phí tuân thủ pháp luật bình quân cho doanh nghiệp ở Việt Nam chiếm 20 - 30% lợi nhuận, trong khi tại Singapore, con số này chỉ là 5 - 10%. Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2023 cho thấy, có đến 20,4% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải dành trên 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện quy định pháp luật, tương đương con số của năm 2022. Thủ tục đầu tư dự án rất phức tạp, phải qua khoảng 38 - 40 con dấu với thời gian xử lý trung bình 2 - 3 năm do bất cứ thủ tục nào cũng phải hỏi ý kiến các sở, ngành liên quan bằng văn bản. Hay, trong tiếp cận vốn, thống kê cho thấy chỉ 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng, trong khi các doanh nghiệp này lại là đối tượng cần rất nhiều nguồn lực tài chính để mở rộng quy mô, đầu tư vào công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh...

Rõ ràng, những rào cản trên đây chủ yếu nằm ở các văn bản dưới luật, ở công tác tổ chức thực hiện pháp luật và cả ở tư duy nặng về quản lý, tâm lý e ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm nên cứ “đề” ra những thủ tục ngoài luật của đội ngũ thực thi pháp luật.

Một thông điệp chung được phản ánh ở hầu hết các tổ trong phiên họp cuối tuần qua của Quốc hội chính là phải khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đang gặp khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự nhân phát triển - nhưng không phải là những tuyên bố chung chung mà phải bằng những chính sách cụ thể, hành động cụ thể, đặc biệt là việc cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật, cải cách môi trường kinh doanh minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

“Ngọn lửa” cải cách thể chế, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật được Trung ương “thắp lên” và đang được Quốc hội thực hiện nghiêm túc cần phải được thổi bùng lên, thắp sáng trong cả bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là ở các cơ quan quản lý, xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật và tổ chức thực thi pháp luật.

Nguồn: daibieunhandan.vn

GIẢI QUYẾT ĐIỂM NGHẼN VỀ THỂ CHẾ BẮT ĐẦU TỪ QUYẾT TÂM DÁM ĐỔI MỚI

Giải quyết điểm nghẽn về thể chế phải từ đổi mới, “công phá” những lối mòn, quan liêu trong quản lý, quản trị đất nước, xây dựng bộ máy chính quyền tinh, gọn, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.

Tuần làm việc thứ 2 của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV tập trung cho công tác xây dựng luật và giám sát. Một lần nữa, những điểm nghẽn về thể chế trong nhiều lĩnh vực được các đại biểu phân tích thẳng thắn, minh chứng bằng những câu chuyện thực tế sinh động.

Tất cả cho thấy bất cập, vướng mắc về thể chế đã và đang kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Giải quyết điểm nghẽn về thể chế chính là khơi thông điểm nghẽn trong

xây dựng và tổ chức thực thi luật, khắc phục triệt để cơ chế xin -cho, tư duy “không quản được thì cấm” và tình trạng có chủ trương, có luật rồi nhưng chùng chình chưa muốn làm, chưa muốn đổi mới.

Câu chuyện giá đất bị thổi cao chót vót trong các phiên đấu giá như tại huyện Mỹ Đức (TP. Hà Nội) cao gấp 16 lần giá khởi điểm, gây nhiễu loạn thị trường bất động sản, mất cân đối cung - cầu. Trong khi người có nhu cầu muốn có nhà ở khó tiếp cận thì nhiều khu dự án đô thị bỏ hoang; quản lý chung cư bất cập. Giấc mơ mua nhà ở xã hội đối với nhiều người có thu nhập thấp vẫn còn xa vời.

Thực trạng này được các đại biểu Quốc hội thẳng thắn chỉ ra trong phiên thảo luận ngay đầu tuần làm việc thứ 2 của Quốc hội về chuyên đề giám sát “việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023”. Nguyên nhân được nhìn nhận chủ yếu do hệ thống pháp luật còn chồng chéo, chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Đại biểu Trần Văn Tuấn (đoàn tỉnh Bắc Giang) cho rằng, còn tới 19 vấn đề liên quan đến Luật đất đai, 15 vấn đề liên quan đến Luật nhà ở và 4 vấn đề liên quan đến Luật kinh doanh bất động sản chưa được quy định chi tiết và hướng dẫn rõ ràng trong các nghị định của Chính phủ và thông tư của các Bộ, ngành liên quan.

Còn đại biểu Nguyễn Mạnh Hùng (đoàn TP. Cần Thơ) cho biết, khó khăn nhất mà các địa phương gặp phải khi triển khai dự án nhà ở xã hội đó là hệ thống pháp luật đã ban hành đầy đủ nhưng hạn chế về tính thống nhất, nhiều văn bản chồng chéo, đặc biệt là vấn đề về quy hoạch và quy trình thủ tục, cơ chế chính sách thu hút các nhà đầu tư.

Nguyên nhân không mới, những giải pháp đã được nhiều lần nhắc đến như phải sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi luật, đặc biệt vấn đề định giá đất, tăng cường cải cách thủ tục hành chính, phân cấp... Giám sát chuyên đề của Quốc hội đã chỉ ra vướng mắc, bất cập từ hệ thống pháp luật đến thực thi trong lĩnh vực này nhưng việc hiện thực hoá giải pháp tạo chuyển động thực tế còn nhiều vấn đề. Chỉ có một điều hiển nhiên, không quyết liệt thay đổi, việc khơi thông nguồn lực về đất đai phục vụ cho sự phát triển sẽ bị ách tắc kéo dài và tạo cơ hội cho lợi ích nhóm.

Trong tuần, Quốc hội cũng tập trung thảo luận về dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi), dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế và Luật Dự trữ quốc gia, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu. Đây là những dự án luật quan trọng, có tác động trực tiếp khơi thông các nguồn vốn, thu hút đầu tư.

Nhiều đại biểu Quốc hội nhận định, những vướng mắc sẽ sớm được tháo gỡ ngay tại kỳ họp này khi Quốc hội xây dựng luật theo hướng một luật sửa nhiều luật. Để thực hiện được mong muốn này, trong phiên thảo luận tại tổ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho rằng, công tác xây dựng pháp luật phải thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm.

“Trước đây, xây dựng pháp luật chủ yếu là để quản lý nhưng lần này vừa phải quản lý, vừa kiến tạo phát triển, thúc đẩy sáng tạo, mở rộng không gian giải phóng các nguồn lực cho phát triển. Đây là yêu cầu rất mới mà phải bỏ được hai cái như Tổng Bí thư phát biểu: Không làm được thì cấm rồi xin cho, quyền anh, quyền tôi. Trong các quyền lực đó thì sẽ có quyền lợi, sẽ có những lợi ích nhóm, cản trở đất nước. Tiếp theo chúng ta phải chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm”, ông Nguyễn Chí Dũng cho biết.

Giải quyết điểm nghẽn về thể chế từ việc đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật, thay đổi cách thức cũ kỹ để khơi thông các nguồn lực kiến tạo, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đồng thời, giải quyết điểm nghẽn về thể chế cũng phải từ đổi mới, công phá những lối thời, quan liêu trong quản lý, quản trị đất nước, xây dựng bộ máy chính quyền tinh, gọn, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.

Đây cũng chính là nhân mạnh của Tổng Bí thư Tô Lâm trong phiên thảo luận tổ về dự thảo Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hải Phòng và việc thành lập TP. Huế trực thuộc Trung ương.

Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị thẳng thắn nhìn vào những vấn đề rất đáng suy ngẫm: Hơn 70% ngân sách để trả lương và chi thường xuyên cho bộ máy công kênh, tốc độ tăng năng suất lao động chưa được 5% không đạt được mục tiêu đề ra; một việc nhiều người làm, tâm lý chùng chình chưa muốn đổi mới. Do đó, phải tinh gọn bộ máy, tiếp tục giảm biên chế, giảm chi thường xuyên để dành nguồn lực đầu tư cho phát triển.

Theo Tổng Bí thư, bộ máy quản lý không rõ chức năng, không phân cấp cho địa phương; Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam giảm dần, thấp hơn nhiều các nước trong khu vực. Muốn tăng năng suất lao động thì lao động phải có tay nghề, ít người làm dồn vào một việc và phải có hàm lượng khoa học công nghệ, cách thức quản lý tốt.

Tổng Bí thư cũng nhắc lại Kỷ nguyên mới mà ông hay nhắc đến là phải bứt tốc hơn nữa với mục tiêu 2045 là nước phát triển thu nhập cao. Tuy nhiên, nếu như với tốc độ hiện nay thì nhiều khả năng không đạt được. Bởi, còn 20 năm nữa thì quy mô nền kinh tế phải gấp 3 lần hiện nay, thu nhập bình quân đầu người phải gấp 3 lần mới đạt được mục tiêu.

Trong tuần, phiên thảo luận tại hội trường về dự thảo luật bảo hiểm y tế sửa đổi cũng nhận được sự quan tâm của cử tri. Cần tăng tỷ lệ dành cho khám chữa bệnh, ngăn chặn tình trạng trục lợi trong quản lý, sử dụng quỹ, hoàn thiện quy định về giám định y tế, thanh toán chi phí khám chữa bệnh nhằm tăng quyền lợi tối đa cho người tham gia, mở rộng diện bao phủ... là những giải pháp được đại biểu Quốc hội tập trung đề xuất.

Những phiên làm việc tập trung cho công tác xây dựng luật trong tuần làm việc thứ 2 của kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIV giúp chúng ta nhận diện sâu sắc hơn về tầm quan trọng và yêu cầu cấp thiết của việc giải quyết những điểm nghẽn về thể chế. Để khơi thông tất cả các nguồn lực, tạo bứt tốc cho phát triển đất nước, trước hết cần sự đổi mới bứt tốc trong nhận thức và hành động của các cơ quan có trách nhiệm xây dựng và thực thi pháp luật.

Nguồn: vov.vn

CHÍNH PHỦ: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Ngày 06/11/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019.

Nghị định này sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 102/2022/NĐ-CP về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, nhập Vụ Dự báo, thống kê và Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính thành Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính. Đồng thời, bổ sung 1 đơn vị là Cục phòng chống rửa tiền.

Như vậy, cơ cấu tổ chức mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 25 đơn vị, gồm: 1. Vụ Chính sách tiền tệ. 2. Vụ Quản lý ngoại hối. 3. Vụ Thanh toán. 4. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế. 5. Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính. 6. Vụ Hợp tác quốc tế. 7. Vụ Kiểm toán nội bộ. 8. Vụ Pháp chế. 9. Vụ Tài chính - Kế toán. 10. Vụ Tổ chức cán bộ. 11. Vụ Truyền thông. 12. Văn phòng. 13. Cục Công nghệ thông tin. 14. Cục Phát hành và kho quỹ. 15. Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước. 16. Cục Phòng, chống rửa tiền. 17. Cục Quản trị. 18. Sở Giao dịch. 19. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. 20. Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 21. Viện Chiến lược ngân hàng. 22. Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam. 23. Thời báo Ngân hàng. 24. Tạp chí Ngân hàng. 25. Học viện Ngân hàng.

Nghị định này sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2019/NĐ-CP về hệ thống tổ chức của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

Theo đó, Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng là cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước, được tổ chức thành hệ thống 03 cơ quan, gồm: 1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước. 2. Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. 3. Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).

Như vậy, so với Nghị định số 26/2014/NĐ-CP thì hệ thống tổ chức của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đã được bổ sung Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 26/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 43/2019/NĐ-CP về Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Cụ thể, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo hiểm tiền gửi; thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Như vậy, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng không còn thực hiện nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố.

Cũng theo Nghị định này, cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng gồm các Vụ, Cục, Văn phòng (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng được ra quyết định thanh tra đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng được giao (trừ các cuộc thanh tra do Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định này), thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Nghị định này quy định, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ban hành quyết định thanh tra.

Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật qua xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NGHỊ ĐỊNH: QUY ĐỊNH MỚI VỀ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG THEO HÌNH THỨC TỰ NGUYỆN

Ngày 01/11/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2024/NĐ-CP quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện).

Nghị định này quy định chế độ bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện); Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; hồ sơ, thủ tục tham gia, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; quyền và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan quản lý nhà nước về lao động, người lao động đối với bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Người lao động thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện (người lao động).

Nghị định này cũng được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc lao động làm các nghề, công việc theo thời gian và nơi làm việc đã đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện được quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

Nghị định này quy định chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện gồm: Giám định mức suy giảm khả năng lao động và Trợ cấp tai nạn lao động.

Nghị định cũng quy định cụ thể điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Theo đó, người lao động đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện khi có đủ các điều kiện sau đây: Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do tai nạn lao động xảy ra trong thời gian tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; Không thuộc các trường hợp không được hưởng các chế độ tai nạn lao động quy định dưới đây.

Người lao động không được hưởng các chế độ tai nạn lao động nếu tai nạn xảy ra do một trong các nguyên nhân sau: Mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến công việc, nhiệm vụ lao động; Người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân; Sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện trái quy định của pháp luật.

Nghị định quy định: Người lao động bị tai nạn lao động chủ động đi giám định hoặc giám định lại mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Sau khi bị thương tật lần đầu đã được điều trị ổn định; Sau khi thương tật tái phát đã được điều trị ổn định; Đối với trường hợp thương tật không có khả năng điều trị ổn định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì người lao động được làm thủ tục giám định trước hoặc ngay trong quy trình điều trị.

Cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả phí giám định đối với người lao động chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để hưởng hoặc điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Thời điểm chi trả phí giám định đối với các trường hợp đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này được thực hiện cùng với thời điểm trả trợ cấp tai nạn lao động quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Trợ cấp tai nạn lao động

Thứ nhất, người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 100% do tai nạn lao động thì được hưởng trợ cấp một lần như sau:

Một là, suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 3 lần mức lương tối thiểu tháng tính theo vùng IV do Chính phủ quy định (sau đây gọi tắt là tháng lương tối thiểu vùng IV), sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,3 lần tháng lương tối thiểu vùng IV.

Hai là, ngoài mức trợ cấp nêu trên, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện, từ 1 năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 lần tháng lương tối thiểu vùng IV, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3 lần tháng lương tối thiểu vùng IV.

Ba là, thời gian làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động là tổng thời gian người lao động đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện, tính đến tháng trước liền kề tháng bị tai nạn lao động; nếu đóng không liên tục thì được cộng dồn; một năm được tính khi có đủ 12 tháng đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Bốn là, trợ cấp tai nạn lao động một lần quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này được tính theo công thức quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

Thứ hai, thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động được hưởng trợ cấp một lần bằng 31,5 lần tháng lương tối thiểu vùng IV, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động; Người lao động bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động; Người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật do tai nạn lao động mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động.

Thứ ba, trợ cấp tai nạn lao động thực hiện theo nguyên tắc tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện trợ cấp lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

Thứ tư, trường hợp giám định lại có kết quả tăng mức suy giảm khả năng lao động so với mức suy giảm khả năng lao động đã được hưởng trợ cấp, người lao động được hưởng thêm trợ cấp bổ sung một lần để bảo đảm hưởng đủ mức trợ cấp tương ứng với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động tăng thêm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Mức trợ cấp một lần bổ sung được tính theo công thức quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

Thứ năm, thời điểm hưởng trợ cấp.

Thời điểm để xác định tháng lương cơ sở vùng IV làm căn cứ tính mức hưởng trợ cấp (thời điểm hưởng trợ cấp) quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều 7 Nghị định này được tính vào tháng người lao động điều trị ổn định xong, ra viện hoặc vào tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa trong trường hợp không điều trị nội trú. Trường hợp bị tai nạn lao động mà sau đó không xác định được thời điểm điều trị ổn định xong, ra viện (trong giấy ra viện còn có chỉ định hẹn khám lại; tháo bột; tháo nẹp; tháo vít) thì thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động được tính vào tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

Thời điểm hưởng trợ cấp đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này được tính tại tháng người lao động bị chết.

Thời điểm hưởng trợ cấp đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định này được tính vào tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

Ngoài ra, Nghị định còn quy định chi tiết về: Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; Hồ sơ, thủ tục tham gia, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; Trách nhiệm của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan y tế, Ủy ban nhân dân các cấp và người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

Ngày 01/11/2024, thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình ký ban hành Quyết định số 1306/QĐ-TTg về việc điều chỉnh dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Theo Quyết định, điều chỉnh giảm dự toán và kế hoạch vốn trong nước nguồn ngân sách trung ương năm 2024 là 7.313,553 tỷ đồng của 20 Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để bổ sung tương ứng cho 12 Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Đồng thời, giảm dự toán và kế hoạch vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2024 là 1.133,313 tỷ đồng của 04 Bộ, địa phương để bổ sung tương ứng cho Bộ Y tế và 13 địa phương.

Căn cứ dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này và nội dung Tờ trình số 579/TTr-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

Thực hiện phân bổ chi tiết dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tuân thủ theo đúng quy định về phân bổ vốn tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời bảo đảm các nguyên tắc sau:

Một là, các nhiệm vụ, dự án phải đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện, bố trí vốn đầu tư công hằng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, có khả năng giải ngân ngay, ưu tiên các dự án đang thực hiện cần đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Hai là, đối với vốn trong nước, các địa phương bố trí vốn bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án trọng điểm, kết nối cao tốc với sân bay, bến cảng, dự án quan trọng có tính chất lan tỏa, kết nối, liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, đối với vốn nước ngoài, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện phân bổ vốn cho các dự án đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và có khả năng thực hiện, giải ngân được ngay số vốn bổ sung.

Đồng thời, việc thực hiện, giải ngân, quyết toán số kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 được bổ sung trên thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bên cạnh đó, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về việc phân bổ dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2024 được giao bổ sung; tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo, danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn phân bổ cho từng nhiệm vụ, dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: QUY ĐỊNH MỚI VỀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP VÀ GIÁO VIÊN DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Ngày 30/10/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Theo đó, Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt công lập (gọi chung là giáo viên mầm non, phổ thông) và viên chức giảng dạy chương trình giáo dục dự bị đại học, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các trường dự bị đại học (gọi chung là giáo viên dự bị đại học) đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức theo phân công, phân cấp có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông và giáo viên dự bị đại học.

Theo quy định, giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Giáo viên dự bị đại học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II (mã số V.07.07.18) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Giáo viên dự bị đại học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I (mã số V.07.07.17) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương

Thứ nhất, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) gồm có: Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26); Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05); Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp

giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06); Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206); Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115); Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ Khoản 1 Điều 13 Thông tư này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Thứ hai, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) gồm có: Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29); Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08); Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09); Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204); Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học (mã số 15.114); Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 13 Thông tư này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học; Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Thứ ba, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) gồm có: Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32); Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12); Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202); Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 3 Điều 13 Thông tư này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở; Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Thứ tư, thời gian được xác định tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông hạng III theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Thông tư này không bao gồm thời gian tập sự và thử việc.

Thứ năm, việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Thứ sáu, việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10

Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Thứ bảy, việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Thứ tám, việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14), hạng III (mã số V.07.05.15) thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2024.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ

BỘ Y TẾ: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG VỀ CÔNG TÁC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN

Ngày 29/10/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ký ban hành Thông tư số 24/2024/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2020/TT-BYT ngày 29/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền.

Theo đó, Thông tư này sửa đổi, bổ sung Điều 3 về nguyên tắc xét tặng như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

- Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.
- Bình đẳng giới trong việc xét tặng giải thưởng.
- Chú trọng ưu tiên cá nhân là người lao động trực tiếp và có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn.
- Chưa đề nghị xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông cho cá nhân đang trong thời hiệu thi hành hình thức kỷ luật khiến trách trở lên hoặc thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh; có liên quan đến các vụ, việc mà cơ quan có thẩm quyền đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật; đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm pháp luật; có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, xử lý; có liên quan đến tham nhũng, tiêu cực do các cơ quan truyền thông, báo chí phản ánh đang được xác minh, làm rõ.

Trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền xác minh, làm rõ không liên quan đến các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật quy định tại khoản này; cá nhân tiếp tục cống hiến và đạt thành tích xuất sắc trong công tác y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại thì được xem xét tặng giải thưởng theo quy định.

5. Cá nhân tham gia nhiều lĩnh vực công tác chỉ được lựa chọn một lĩnh vực đề nghị xét tặng.

6. Cá nhân được hưởng lương và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm tại đơn vị nào thì đề nghị xét tặng giải thưởng tại đơn vị đó. Trường hợp cá nhân không hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước thì đề nghị xét tặng qua Hội nghề nghiệp lĩnh vực y dược cổ truyền đang công tác.

7. Không yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sáng kiến đổi mới với cá nhân công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và công tác trong cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng.

8. Giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông được xét tặng một lần cho đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định, không xét truy tặng.”.

Điều 4 về thời gian xét tặng được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Thời gian xét tặng

Giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông được xét tặng 02 năm một lần và được công bố vào ngày mất của Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (tức ngày rằm tháng Giêng âm lịch) ở năm kế tiếp.”.

Điều 8 quy định cách quy đổi thời gian công tác được sửa đổi như sau:

“Điều 8. Cách quy đổi thời gian công tác

1. Thời gian công tác của cá nhân trong lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại tại các chiến trường B, C, K; chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc và quân tình nguyện Việt Nam tại Lào và Campuchia hoặc tham gia nghĩa vụ quốc tế được nhân hệ số 1,5 khi tính thời gian công tác để xét tặng giải thưởng.

2. Thời gian công tác của cá nhân trong lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 02 khi tính thời gian công tác để xét tặng giải thưởng.

3. Thời gian công tác của cá nhân trong lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại trong cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng được nhân hệ số 1,5 khi tính thời gian công tác để xét tặng giải thưởng.

4. Trường hợp cá nhân chuyển đổi vị trí công tác, gián đoạn thời gian làm việc ở các vùng, miền khác nhau thì được cộng dồn các thời gian để tính tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng.

5. Trường hợp cá nhân được cơ quan cử đi học tập, nâng cao trình độ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại vẫn được tính vào thời gian công tác để tính tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng.”.

Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

- Đúc kết được ít nhất 01 bài thuốc hoặc phương pháp chữa bệnh hoặc sáng kiến kỹ thuật lĩnh vực y dược cổ truyền đã được ứng dụng trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp tỉnh

và được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) hoặc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) công nhận;

- Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp bộ, cấp tỉnh hoặc chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp cơ sở hoặc là thành viên nghiên cứu chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp quốc gia hoặc là thành viên nghiên cứu chính ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên.”

Tại điểm b Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi như sau:

“b) Đạt được một trong các tiêu chuẩn sau: Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y, dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp bộ, cấp tỉnh hoặc chủ nhiệm ít nhất 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp cơ sở hoặc là thành viên nghiên cứu chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp quốc gia đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên hoặc đã công bố ít nhất 02 công trình nghiên cứu về y dược cổ truyền được đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành tính điểm.”

Điểm b Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi như sau:

“b) Đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

- Chủ biên hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 giáo trình đào tạo chuyên môn về y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại hoặc chủ biên ít nhất 01 sách tham khảo lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại hoặc tham gia biên soạn ít nhất 02 sách tham khảo lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại hoặc có ít nhất 02 sáng kiến, cải tiến phương pháp đào tạo mang lại hiệu quả cao trong học tập của sinh viên và học viên trong lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại được Hội đồng khoa học công nghệ nhà trường công nhận và được phổ biến áp dụng trong giảng dạy của nhà trường;

- Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y, dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp cơ sở hoặc ít nhất 02 sáng kiến khoa học kỹ thuật lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại hoặc là thành viên nghiên cứu chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên.”

Sửa đổi điểm b Khoản 4 Điều 9 như sau:

“b) Đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp hữu ích trong quá trình sản xuất, chế biến dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc có nguồn gốc từ dược liệu được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) hoặc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) công nhận;

- Xây dựng ít nhất 03 quy trình sản xuất thuốc cổ truyền, thuốc có nguồn gốc từ dược liệu đã được ứng dụng sản xuất thuốc tại cơ sở và được Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành;

- Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong lĩnh vực nuôi trồng, thu hái, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu hoặc là thành viên nghiên cứu chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nuôi trồng, thu hái, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên.”.

Sửa đổi điểm b Khoản 5 Điều 9 như sau:

“b) Đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

- Là thành viên chính tham gia xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát triển y dược cổ truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: ít nhất 01 luật hoặc ít nhất 02 nghị định hoặc ít nhất 03 thông tư về phát triển lĩnh vực y tế hoặc y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại; hoặc ít nhất 01 nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án, dự án được cấp Trung ương ban hành; hoặc ít nhất 02 kế hoạch, chương trình, đề án, dự án được cấp bộ, ngành ban hành liên quan đến phát triển ngành hoặc ít nhất 05 tài liệu chuyên môn lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại được Bộ Y tế phê duyệt;

- Tham gia xây dựng ít nhất 02 trong số các văn bản sau: chương trình, đề án, dự án lĩnh vực y dược cổ truyền hoặc kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại và tổ chức thực hiện có hiệu quả tại địa phương (từ cấp huyện trở lên);

- Có ít nhất 02 sáng kiến, giải pháp quản lý dược áp dụng có hiệu quả trong lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại được cơ quan quản lý cấp huyện trở lên công nhận.”.

Sửa đổi điểm c Khoản 6 Điều 9 như sau:

“c) Đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Tham gia biên soạn ít nhất 01 tài liệu giảng dạy, sách tham khảo hoặc biên soạn ít nhất 01 sách về hướng dẫn sử dụng thuốc nam, bài thuốc nam, các cây thuốc sẵn tại địa phương theo lý luận của y dược cổ truyền được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) công nhận và được áp dụng tại địa phương;

- Có ít nhất 01 bài thuốc, phương pháp điều trị theo lý luận của y dược cổ truyền được áp dụng có hiệu quả tại địa phương và được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) công nhận hoặc có bài thuốc gia truyền, phương pháp chữa bệnh gia truyền đã được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) cấp phép tối thiểu 10 năm tính đến thời điểm xét tặng, được áp dụng có hiệu quả tại địa phương.”.

Bên cạnh đó, Thông tư này cũng sửa đổi, bổ sung quy định về: Hội đồng xét tặng giải thưởng; Hồ sơ xét tặng; Nội dung chi đề tổ chức, tuyên truyền, xét tặng giải thưởng.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/12/2024.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ: CÔNG BỐ 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO CÔNG CHỨC

Ngày 06/11/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 06/11/2024 về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định 116/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 06/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ công bố 03 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, đồng thời bãi bỏ những thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020.

03 thủ tục hành chính sửa đổi gồm:

1. Thủ tục thi tuyển công chức

Trình tự thực hiện : 06 bước thực hiện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Cách thức thực hiện: Người dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc trực tiếp, qua thư điện tử, qua cổng thông tin điện tử hoặc bằng phương thức điện tử phù hợp khác theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Thời hạn giải quyết: Tối đa 190 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển (theo Nghị định).

Phí, lệ phí: Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.

2. Thủ tục xét tuyển công chức

Trình tự thực hiện : 05 bước thực hiện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Cách thức thực hiện: Người dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc trực tiếp, qua thư điện tử, qua cổng thông tin điện tử hoặc bằng phương thức điện tử phù hợp khác theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Thời hạn giải quyết: Tối đa 85 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển (theo Nghị định).

Phí, lệ phí: Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự xét; Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự xét; Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự xét.

3. Thủ tục tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Trình tự thực hiện: 04 bước thực hiện.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan tuyển dụng.

Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian cụ thể.

Phí, lệ phí: Không.

Các thủ tục hành chính được bãi bỏ gồm: 1. Thủ tục thi tuyển công chức: Số Hồ sơ 1.005384; 2. Thủ tục xét tuyển công chức: Số Hồ sơ 2.002156; 3. Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức: Số Hồ sơ 1.005385.

Nguồn: moha.gov.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Quyết định số 1617-QĐ/TW điều động, phân công ông Nghiêm Xuân Thành, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đồng ý bà Nguyễn Thị Tuyền thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy và thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025; chỉ định giữ chức Bí thư Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nhiệm kỳ 2022 - 2027 và giới thiệu bầu giữ chức Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Điều động, chỉ định bà Nguyễn Hải Trâm, Ủy viên Ban cán sự Đảng, Phó Viện trưởng Thường trực Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều động, chỉ định ông Nguyễn Đình Việt, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội khoá XV tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh uỷ Sơn La, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều động, chỉ định Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Nguyễn Ngọc Lương tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH15 ngày 30/10/2024 phê chuẩn ông Hà Quốc Trị thôi làm nhiệm vụ Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Khánh Hòa do chuyển công tác.

Nghị quyết số 1265/NQ-UBTVQH15 ngày 30/10/2024 giao ông Lê Hữu Trí, Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh Khánh Hòa phụ trách Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Khánh Hòa.

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 05/11/2024 về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Dành.

Kiện toàn Hội đồng Y khoa Quốc gia:

Quyết định số 1333/QĐ-TTg ngày 05/11/2024 về việc bổ nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia.

Theo Quyết định, GS. TS. Trần Văn Thuán, Thứ trưởng Bộ Y tế kiêm nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia.

GS. TS. Nguyễn Việt Tiên, Phó Chủ tịch Tổng hội Y học Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Y tế giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng, hoạt động chuyên trách.

TS. Hà Anh Đức, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế kiêm nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng.

TS. Nguyễn Ngô Quang, Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế kiêm nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng.

*** Bộ Quốc phòng:**

Quyết định số 420/QĐĐ-BQP về việc bổ nhiệm Thượng tá Cao Anh Sơn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel).

Quyết định số 468/QĐĐ-BQP ngày 01/11/2024 về việc bổ nhiệm Trung tá Nguyễn Đạt giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel).

*** Bộ Công an:**

Đại tá Nguyễn Thế Hùng, Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục An ninh đối ngoại, Bộ Công an.

Đại tá Đinh Việt Dũng, Phó Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Bộ Công an được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình.

Đại tá Nguyễn Hữu Phước, Phó Giám đốc Công an tỉnh Phú Thọ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Ông Đặng An Thanh, Phó Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước, kể từ ngày 01/11/2024.

*** Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:**

Ông Cao Minh Trí, Kiểm sát viên cao cấp, Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (Viện cấp cao 3).

Ông Phạm Xuân Minh, Kiểm sát viên trung cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (Viện cấp cao 3).

*** Tỉnh Sơn La:**

Ông Nguyễn Đình Việt, Phó Bí thư Tỉnh ủy Sơn La được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Yên Bái:**

Ông Trần Huy Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

Ông Nguyễn Văn Đa, Chánh Thanh tra tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Ngô Phước Thành, Giám đốc Sở Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Phạm Quang Nhật, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Công Thương, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Nguyễn Văn Đồng, Giám đốc Sở Công Thương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Ngoại vụ, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Võ Thanh Phong, Giám đốc Sở Ngoại vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, kể từ ngày 01/11/2024.

Bà Lương Thị Lê Hằng, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thay ông Phạm Quang Nhật, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Bùi Văn Cảnh, Trưởng phòng Phòng Tổ chức Hành chính, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng biên tập Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Nguyễn Minh Triết, Phó Bí thư Tỉnh đoàn được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, kể từ ngày 01/11/2024.

*** Tỉnh Hà Tĩnh:**

Bà Nguyễn Thị Hà Tân, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Bùi Nhân Sâm, Bí thư Huyện ủy Hương Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Ông Lương Quốc Tuấn, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Hương Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Phạm Xuân Phú, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được điều động đến công tác tại Sở Ngoại vụ để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc sở.

Ông Thái Phúc Sơn, Giám đốc Sở Ngoại vụ được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Hương Khê, nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Hà Thị Việt Ánh, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Xuyên được điều động về công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, hiệp thương cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Ông Nguyễn Thiệu Quang, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Vũ Quang được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Văn Hiếu, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Nghi Xuân, giới thiệu ứng cử bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Huy Hùng, Phó Bí thư Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Hồng Lĩnh được điều động về công tác tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Ông Ngô Xuân Ninh, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê được điều động về công tác tại Sở Tư pháp để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

Ông Lê Anh Dũng, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân được điều động về công tác tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Nguyễn Tiến Hùng, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh được điều động về công tác tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ông Nguyễn Trọng Vân, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Nghi Xuân, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Trọng Thương, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động đến công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Nguyễn Bá Đức, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Cẩm Xuyên, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Quang Linh, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu ứng cử bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Hữu Khiếu, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu Kinh tế tỉnh được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thị ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu ứng cử bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Hồng Lĩnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Phan Ngọc Long, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Tĩnh được điều động về công tác tại cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, giới thiệu ứng cử bầu giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Phạm Hùng Cường, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Tỉnh ủy được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Đồng Tháp:**

Ông Nguyễn Hữu Xuân, Giám đốc Sở Ngoại vụ được thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.

Bà Lê Thị Kim Ngân, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ được giao quyền Giám đốc Sở Ngoại vụ, kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi kiện toàn được chức danh Giám đốc Sở Ngoại vụ.

Ông Nguyễn Thành Phương, Chánh Văn phòng Sở Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Huỳnh Thanh Sơn, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh, kể từ ngày 01/11/2024.

Bà Lê Thị Mai Trinh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cao Lãnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, kể từ ngày 01/11/2024.

Bà Phạm Thị Ngọc Đào, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Nguyễn Thái Bình, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được giao quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho đến khi kiện toàn được chức danh Giám đốc Sở, kể từ ngày 01/11/2024.

Nguồn: baohinhphu.vn